

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Mai Thị Thúy Vân

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lương Khánh Chi

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG
TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH
VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

Sinh viên : Mai Thị Thúy Vân

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lương Khánh Chi

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Mai Thị Thúy Vân

Mã SV: 120536

Lớp: QT1201K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày các cơ sở lý luận về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh

- Phân tích thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng.

- Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán vốn bằng tiền tại đơn vị nghiên cứu.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các văn bản của Nhà Nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán vốn bằng tiền.

- Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp.

- Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và vận tải xi măng Hải Phòng, sử dụng số liệu năm 2011

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

- Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng

- Địa chỉ : Số 290 – Đường Hà Nội - Quận Hồng Bàng – TP Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Lương Khánh Chi

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và phát triển, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp tiến hành quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Trong điều kiện hiện nay, phạm vi hoạt động của doanh nghiệp đã được mở rộng, tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới, quy mô sản xuất không ngừng tăng. Do đó, quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền rất lớn và phức tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc tổ chức hạch toán vốn bằng tiền là nhằm đưa ra những thông tin đầy đủ nhất, chính xác nhất về thực trạng và cơ cấu của vốn bằng tiền, về các nguồn thu và sự chi tiêu của chúng trong quá trình kinh doanh để nhà quản lý có thể nắm bắt được những thông tin kinh tế cần thiết, đưa ra những quyết định tối ưu nhất về đầu tư, chi tiêu trong tương lai như thế nào. Bên cạnh nhiệm vụ kiểm tra các chứng từ, sổ sách về tình hình lưu chuyển tiền tệ, các nhà quản lý còn biết được hiệu quả kinh tế của đơn vị mình.

Nhận thức được ý nghĩa, vị trí cũng như tầm quan trọng của Vốn bằng tiền và tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp, vận dụng những kiến thức đã học trong nhà trường kết hợp với thời gian thực tập tại Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng em đã tìm hiểu và nghiên cứu đề tài:

“Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng”

2. Mục đích nghiên cứu:

- Nghiên cứu những nhận thức chung nhất về công tác kế toán vốn bằng tiền.
- Nắm rõ tình hình thực tế về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng.
- Đưa ra những đề xuất kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền. Giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận với tài liệu thực tế, từ đó củng cố và hoàn

thiện kiến thức. Đồng thời tạo điều kiện cho sinh viên có thể vận dụng những lý thuyết đó học vào trong thực tiễn.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

- Đối tượng nghiên cứu : công tác kế toán vốn bằng tiền.
- Phạm vi nghiên cứu : Số liệu năm 2011 tại phòng kế toán tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ vận tải Xi măng Hải phòng.

4. Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp chung của chủ nghĩa duy vật biện chứng: đi từ lý luận đến thực tiễn, lấy thực tế để kiểm tra lý luận.

Phương pháp cụ thể: phương pháp trình bày, diễn giải, so sánh, phân tích, quy nạp,...

- Phương pháp thống kê: dựa trên những số liệu đã thống kê để phân tích, so sánh, đối chiếu từ đó nêu lên những ưu điểm, nhược điểm trong công tác kinh doanh nhằm tìm ra nguyên nhân và biện pháp khắc phục cho Công ty nói chung và cho công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng.

5. Kết cấu của đề tài:

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, nội dung của bài khóa luận tốt nghiệp được trình bày trong 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng

Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN

VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại vốn bằng tiền

1.1.1 Khái niệm

Vốn bằng tiền là toàn bộ các hình thức tiền tệ hiện thực do đơn vị sở hữu, tồn tại dưới hình thái giá trị và thực hiện chức năng phương tiện thanh toán trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là một loại tài sản mà doanh nghiệp nào cũng có và sử dụng.

1.1.2. Đặc điểm

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hoá sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận và ăn cắp. Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự ăn cắp hoặc lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước.

1.1.3 Phân loại

❖ Phân loại theo hình thức tồn tại vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:

- Tiền Việt Nam: là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Ngoại tệ: Là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị trường Việt nam như các đồng: đô la Mỹ (USD), bảng Anh (GBP), phrăng Pháp (FFr), yên Nhật (JPY), đô la Hồng Kông (HKD), mác Đức (DM) ...

- Vàng bạc, kim khí quý, đá quý: là tiền thực chất, tuy nhiên được lưu trữ chủ

yếu là vì mục tiêu an toàn hoặc một mục đích bất thường khác chứ không phải vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

❖ Phân loại theo trạng thái tồn tại, vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm:

- Tiền tại quỹ: gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, bạc vàng, kim khí quý, đá quý, ngân phiếu hiện đang được giữ tại kết của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.

- Tiền gửi ngân hàng: là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại Ngân hàng.

- Tiền đang chuyển: là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

1.2. Nhiệm vụ kế toán và nguyên tắc hạch toán

1.2.1. Nguyên tắc hạch toán chung

Kế toán vốn bằng tiền phải tuân thủ theo các nguyên tắc, chế độ quản lý tiền tệ của Nhà nước sau đây:

- Hạch toán kế toán phải sử dụng thống nhất một đơn vị giá trị là “Đồng Việt nam” .

- Nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra “Đồng Việt nam” theo tỷ giá mua do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ để ghi sổ kế toán. Đồng thời phải theo dõi chi tiết riêng từng nguyên tệ của ngoại tệ đó trên TK 007 – Ngoại tệ các loại.

- Đối với vàng bạc, kim khí quý đá quý phản ánh ở tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho doanh nghiệp không kinh doanh vàng bạc, kim khí quý đá quý; phải theo dõi số lượng trọng lượng, quy cách phẩm chất và giá trị của từng loại, từng thứ. Giá nhập vào trong kỳ được tính theo giá thực tế, còn giá xuất có thể được tính theo một trong các phương pháp sau:

+ Phương pháp giá thực tế bình quân gia quyền giữa giá đầu kỳ và giá các lần nhập trong kỳ.

+ Phương pháp giá thực tế nhập trước, xuất trước.

+ Phương pháp giá thực tế nhập sau, xuất trước.

Phải mở sổ chi tiết cho từng loại ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý theo đối tượng, chất lượng ...

Cuối kỳ hạch toán phải điều chỉnh lại giá trị ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý theo giá tại thời điểm tính toán để có được giá trị thực tế và chính xác.

Nếu thực hiện đúng các nhiệm vụ và nguyên tắc trên thì hạch toán vốn bằng tiền sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý tốt vốn bằng tiền, chủ động trong việc thực hiện kế hoạch thu chi và sử dụng vốn có hiệu quả cao.

1.2.2. Nhiệm vụ kế toán

Xuất phát từ những đặc điểm nêu trên, hạch toán vốn bằng tiền phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Theo dõi tình hình thu, chi, tăng, giảm, thừa, thiếu và phản ánh chính xác, kịp thời đầy đủ số hiện có của từng loại vốn bằng tiền.
- Giám đốc thường xuyên giám sát tình hình thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, kỷ luật thanh toán, kỷ luật tín dụng.
- Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu của thủ quỹ và kế toán tiền mặt.
- Tham gia vào công tác kiểm kê quỹ tiền mặt, phản ánh kết quả kiểm kê kịp thời.

1.3. Kế toán tiền mặt trong doanh nghiệp

- Tiền mặt là số vốn bằng tiền do thủ quỹ bảo quản tại quỹ của doanh nghiệp bao gồm Tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý, kim khí quý, tín phiếu và ngân phiếu.

- Trong mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt nhất định tại quỹ để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của mình. Số tiền thường xuyên tồn quỹ phải được tính toán định mức hợp lý, mức tồn quỹ này tùy thuộc vào quy mô, tính chất hoạt động, ngoài số tiền trên doanh nghiệp phải gửi tiền vào Ngân hàng hoặc các tổ chức tài chính khác.

1.3.1 Nguyên tắc hạch toán tiền tại quỹ

- Chỉ phản ánh vào tài khoản 111 số tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thực tế nhập, xuất quỹ.

- Các khoản tiền, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý do đơn vị hoặc cá nhân khác ký cược, ký quỹ tại đơn vị thì quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị. Riêng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý trước khi nhập quỹ phải làm đầy đủ các thủ tục về cân đo đong đếm số lượng, trọng lượng và giám định chất lượng, sau đó tiến hành niêm phong có xác nhận của người ký cược, ký quỹ trên dấu niêm phong.

- Khi tiến hành nhập quỹ, xuất quỹ phải có phiếu thu, chi hoặc chứng từ nhập, xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép xuất, nhập quỹ theo quy định của chế độ chứng từ hạch toán.

- Kế toán quỹ tiền mặt chịu trách nhiệm mở sổ và giữ sổ quỹ, ghi chép theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, tính ra số tiền tồn quỹ ở mọi thời điểm. Riêng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhận ký cược phải theo dõi riêng trên một sổ hoặc trên một phần sổ.

- Thủ quỹ là người chịu trách nhiệm giữ gìn, bảo quản và thực hiện các nghiệp vụ xuất nhập tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý tại quỹ. Hàng ngày thủ quỹ phải thường xuyên kiểm kê số tiền tồn quỹ thực tế và tiến hành đối chiếu với số liệu trên sổ quỹ, sổ kế toán. Nếu có chênh lệch kế toán và thủ quỹ phải tự kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch trên cơ sở báo cáo thừa hoặc thiếu hụt.

1.3.2. Chứng từ kế toán sử dụng

- | | |
|----------------------------|-------------------------------|
| - Phiếu thu | Mẫu số 01 - TT(BB) |
| - Phiếu chi | Mẫu số 02 - TT(BB) |
| - Bảng kê vàng bạc, đá quý | Mẫu số 07 - TT(HD) |
| - Bảng kiểm kê quỹ | Mẫu số 08a - TT, 08b - TT(BB) |

1.3.3. Tài khoản kế toán sử dụng

TK 111 – Tiền mặt

<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc ... nhập quỹ - Các khoản tiền thừa phát hiện khi kiểm kê. - Chênh lệch tăng do đánh giá lại tiền mặt có gốc ngoại tệ... <p><u>Số dư:</u> Là các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn quỹ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc xuất quỹ... - Các khoản tiền phát hiện thiếu khi kiểm kê. - Chênh lệch giảm do đánh giá lại tiền mặt có gốc ngoại tệ...
---	--

Tài khoản 111 có 3 tài khoản cấp 2:

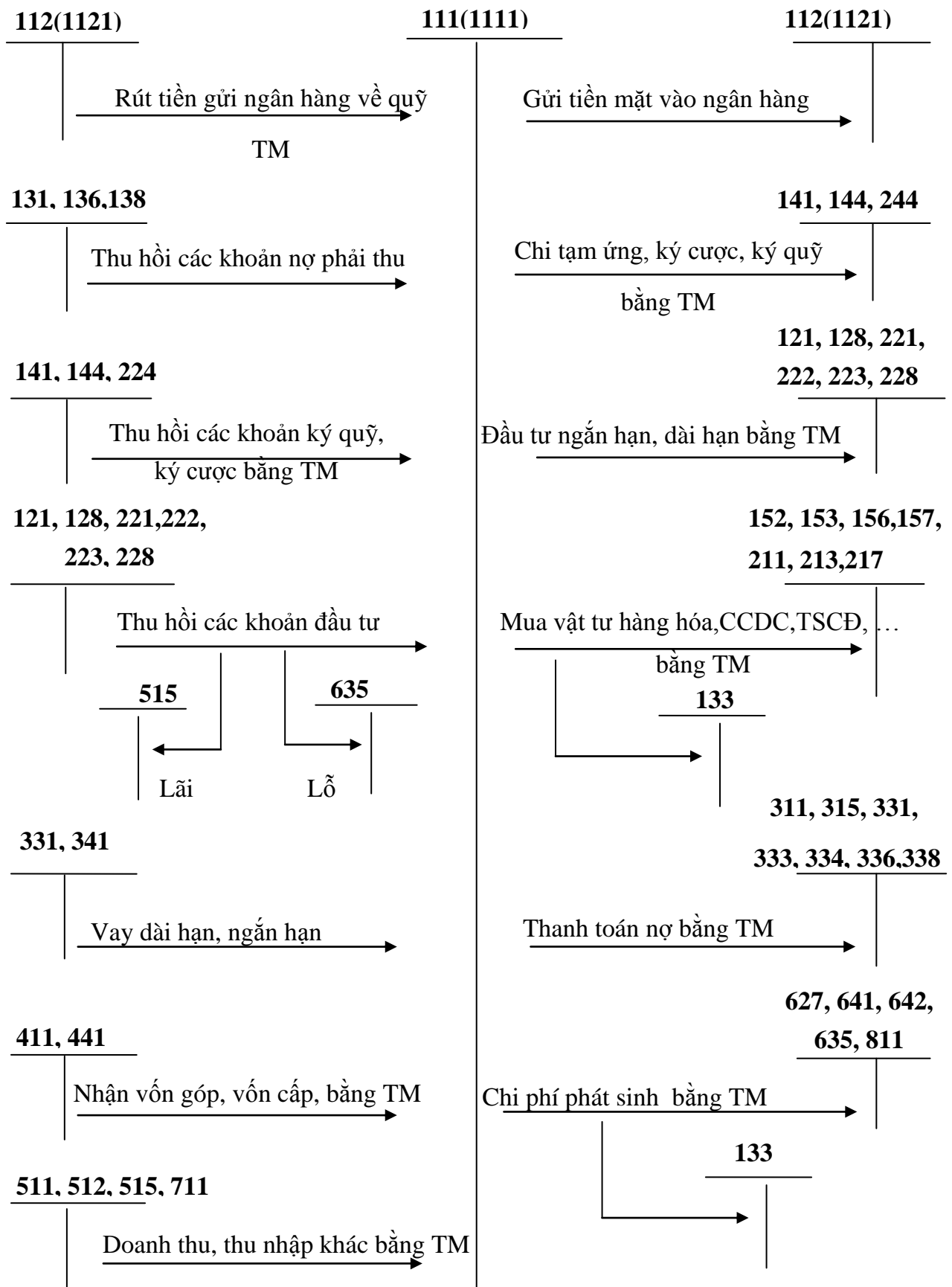
- + Tài khoản 1111 - Tiền Việt Nam
- + Tài khoản 1112 - Ngoại tệ
- + Tài khoản 1113 - Vàng bạc, kim khí quý, đá quý

Ngoài ra kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan khác như TK112, TK113, TK331, TK133...

1.3.4. Kế toán các khoản thu - chi bằng tiền Việt Nam

Kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1: Kế toán Tiền tại quỹ (VNĐ)



1.3.5. Kế toán các khoản thu - chi bằng ngoại tệ

Việc quy đổi ra đồng Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau:

- Việc hạch toán ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức được sử dụng trong kế toán (nếu được chấp thuận) về nguyên tắc doanh nghiệp phải căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế (gọi tắt là tỷ giá giao dịch) để ghi sổ kế toán.

- Đối với các tài khoản thuộc loại chi phí, doanh thu, thu nhập, vật tư, hàng hóa, TSCĐ, bên Nợ các tài khoản Vốn bằng tiền, các tài khoản Nợ phải thu hoặc bên Có các tài khoản Nợ phải trả. Khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải ghi sổ kế toán theo tỷ giá giao dịch.

- Đối với bên Có của các tài khoản Vốn bằng tiền, các tài khoản Nợ phải thu và bên Nợ của các tài khoản Nợ phải trả khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải được ghi sổ kế toán theo tỷ giá trên ghi sổ kế toán (tỷ giá xuất quỹ tính theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, Nhập trước Xuất trước, Nhập sau Xuất trước, ..., tỷ giá nhận nợ, ...). Các khoản chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào TK 515 Hoặc TK 635.

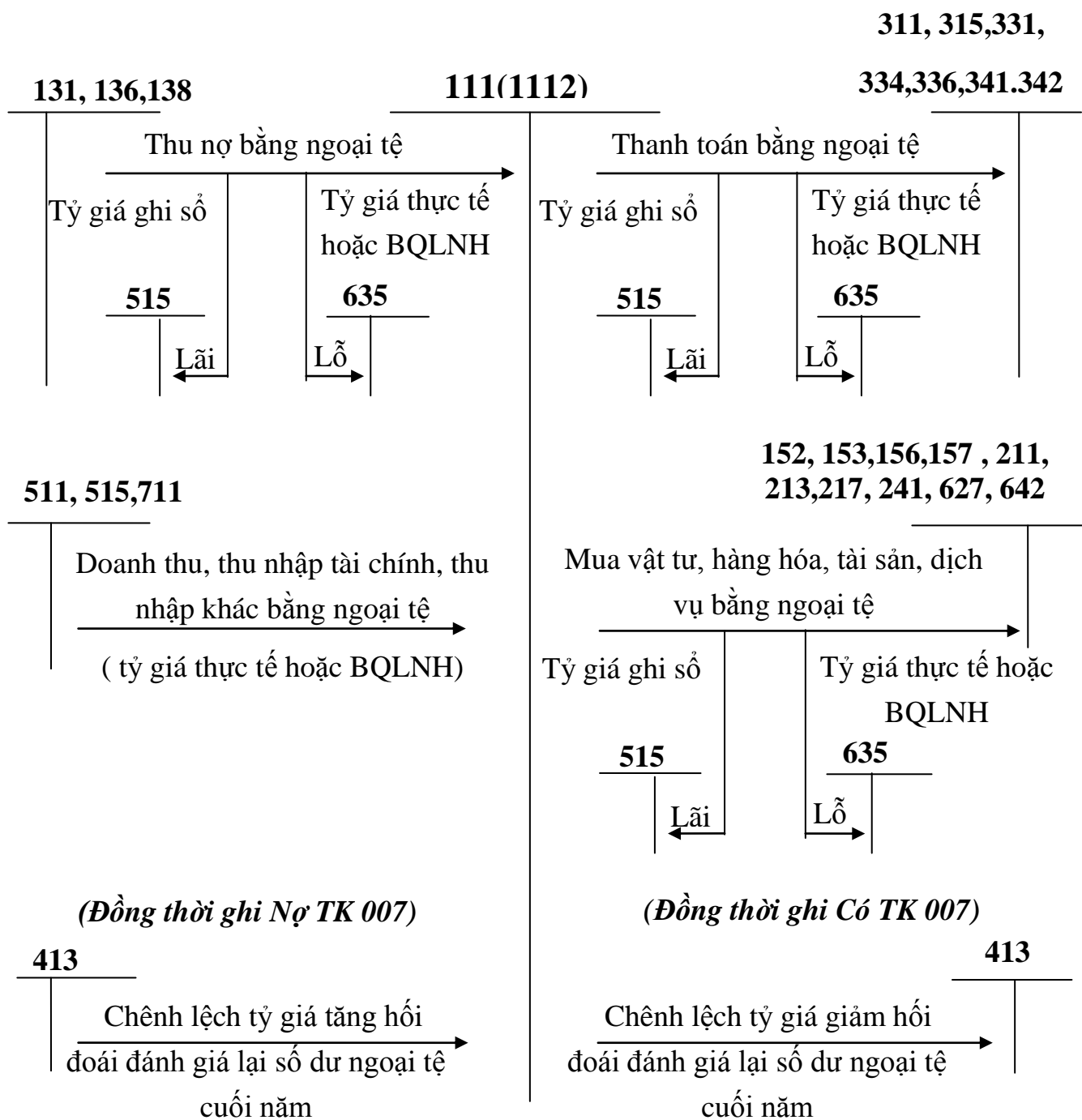
- Cuối năm tài chính, Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua vào của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 413.

- Trường hợp mua bán ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì hạch toán theo tỷ giá thực tế mua bán.

- Trường hợp phát sinh các nghiệp vụ thu, chi tiền mặt bằng ngoại tệ, kế toán còn phải theo dõi nguyên tệ trên TK 007 – “Nguyên tệ các loại”.

Kế toán tiền mặt ngoại tệ được phản ánh qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2: Kế toán tiền tại quỹ (ngoại tệ)

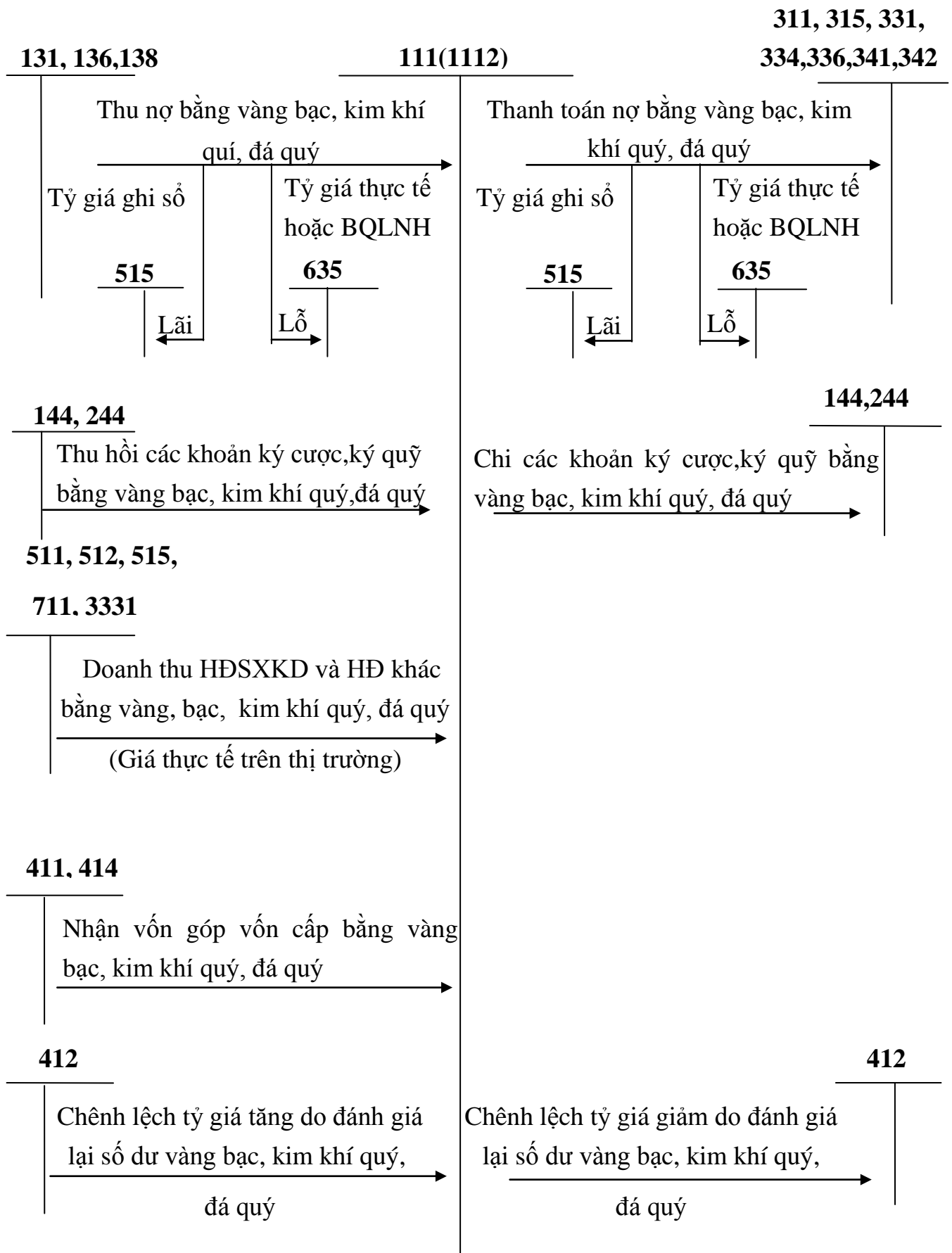


1.3.6. Kế toán tiền mặt là vàng, bạc, đá quý.

Đối với các doanh nghiệp không có chức năng kinh doanh vàng bạc, đá quý, khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các tài sản này thì phản ánh vào tài khoản 111(1113). Do vàng bạc, đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: Ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán... Các loại vàng, bạc, đá quý được ghi sổ theo giá thực tế mua vào và tính giá vốn thực tế bán theo các phương pháp như: phương pháp giá đơn vị bình quân; nhập trước, xuất trước; nhập sau, xuất trước hay phương pháp đặc điểm riêng. Song từng loại vàng bạc, đá quý lại có những đặc điểm riêng và giá trị khác nhau nên sử dụng phương pháp đặc điểm riêng để tính giá vàng bạc, đá quý xuất dùng là chính xác nhất.

Kế toán vàng, kim khí quý, đá quý tại quỹ được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.3 : Kế toán tiền tại quỹ (vàng bạc, kim quý, đá quý)



1.4. Kế toán tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp

- Tiền gửi là số tiền mà doanh nghiệp gửi tại các ngân hàng, kho bạc Nhà nước hoặc các công ty tài chính, bao gồm tiền Việt Nam, các loại ngoại tệ, vàng bạc, đá quý...

- Theo chế độ quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt (theo thoả thuận của doanh nghiệp với ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản tại ngân hàng.

Đối với những doanh nghiệp có những tổ chức, bộ phận trực thuộc, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi, mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận lợi cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải tổ chức kế toán chi tiết theo từng loại tiền gửi, từng ngân hàng kho bạc, công ty tài chính để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

1.4.1 Nguyên tắc hạch toán trên tài khoản 112 - TGNH:

- Khi phát hành các chứng từ tài khoản TGNH, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số dư tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy, kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

- Khi nhận được các chứng từ do ngân hàng gửi đến kế toán phải kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời. Nếu đến cuối kỳ vẫn chưa xác định rõ nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo giấy báo hay bản sao kê của Ngân hàng. Số chênh lệch được ghi vào các Tài khoản chờ xử lý. (TK 138.3- tài sản thiếu chờ xử lý, TK 338.1- Tài sản thừa chờ xử lý). Sang kỳ sau phải tiếp tục kiểm tra đối chiếu tìm nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh lại số liệu đã ghi sổ.

- Trường hợp doanh nghiệp mở TK TGNH ở nhiều ngân hàng thì kế toán phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối

chiếu.

- Tại những đơn vị có bộ phận phụ thuộc cần mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết để giám sát chặt chẽ tình hình sử dụng từng loại tiền gửi nói trên.

- Trường hợp gửi tiền vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc giao dịch bình quân trên thị trường tiền tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh. Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

- Trường hợp rút tiền gửi từ ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

- Trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (lãi tỷ giá) hoặc vào bên nợ TK 635 “Chi phí tài chính” (lỗ tỷ giá).

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”.

1.4.2. Chứng từ kế toán sử dụng

- Các giấy báo Có, báo Nợ, bản sao kê của Ngân hàng.
- Các chứng từ khác: Séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu...

Khi nhận được các chứng từ do ngân hàng gửi đến, kế toán phải tiến hành kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu kế toán của đơn vị với ngân hàng thì vẫn phải ghi theo chứng từ của

ngân hàng, số chênh lệch được theo dõi riêng ở tài khoản phải thu hoặc phải trả khác, đồng thời thông báo cho ngân hàng đối chiếu xác minh lại.

1.4.3. Tài khoản kế toán sử dụng

TK 112 – Tiền gửi ngân hàng

<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc ... đã gửi vào ngân hàng. - Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại. <p><u>Số dư</u> : Số tiền gửi hiện còn ở các ngân hàng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản tiền mặt Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc ... rút ra từ ngân hàng. - Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại.
---	--

Tài khoản 112 có 3 tài khoản cấp 2:

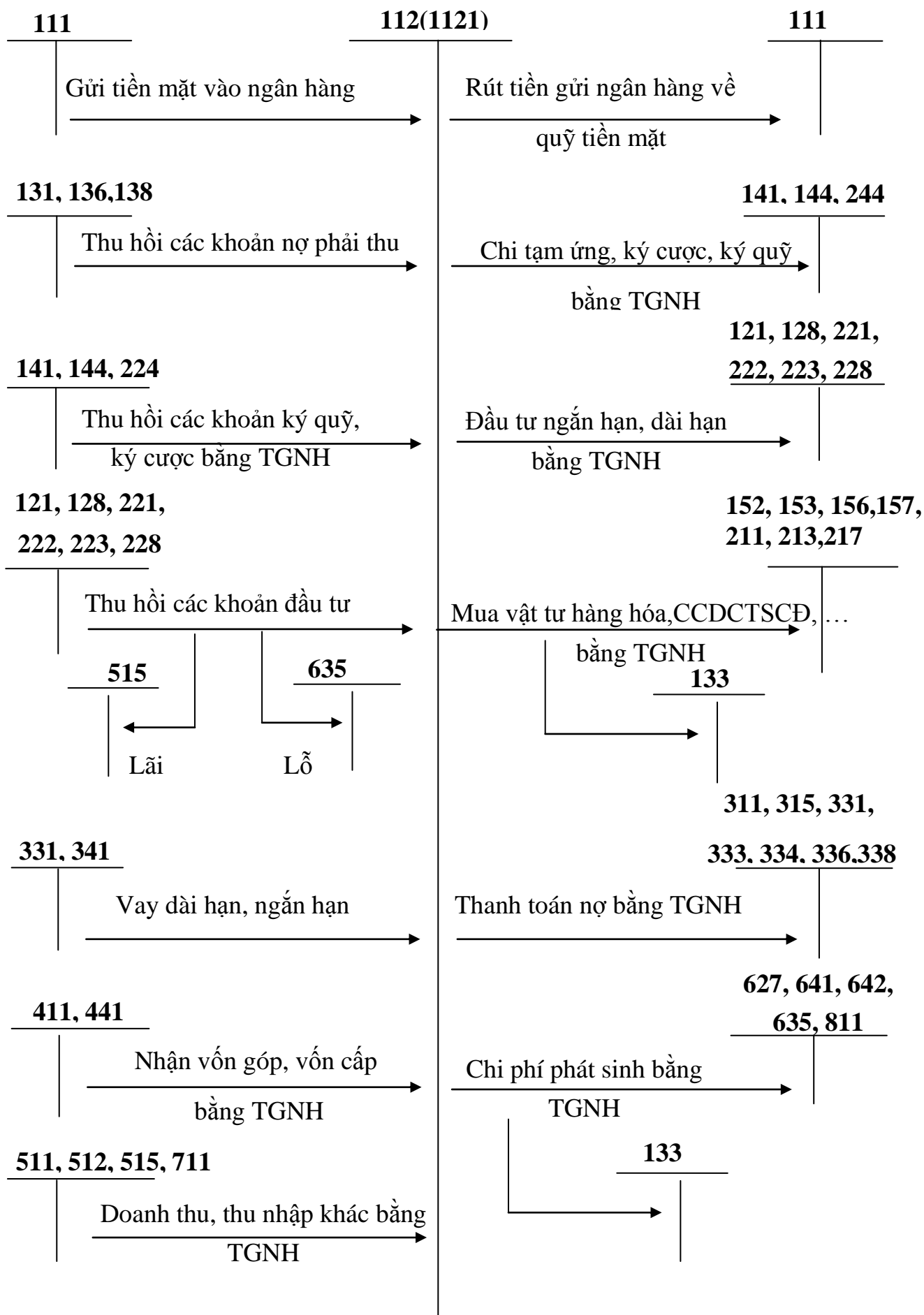
- + Tài khoản 1121- Tiền Việt Nam
- + Tài khoản 1122- Ngoại tệ
- + Tài khoản 1123- Vàng bạc, kim khí quý, đá quý

Ngoài ra kế toán còn sử dụng nhiều tài khoản liên quan khác...

1.4.4. Kế toán các nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi Việt Nam

Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau:

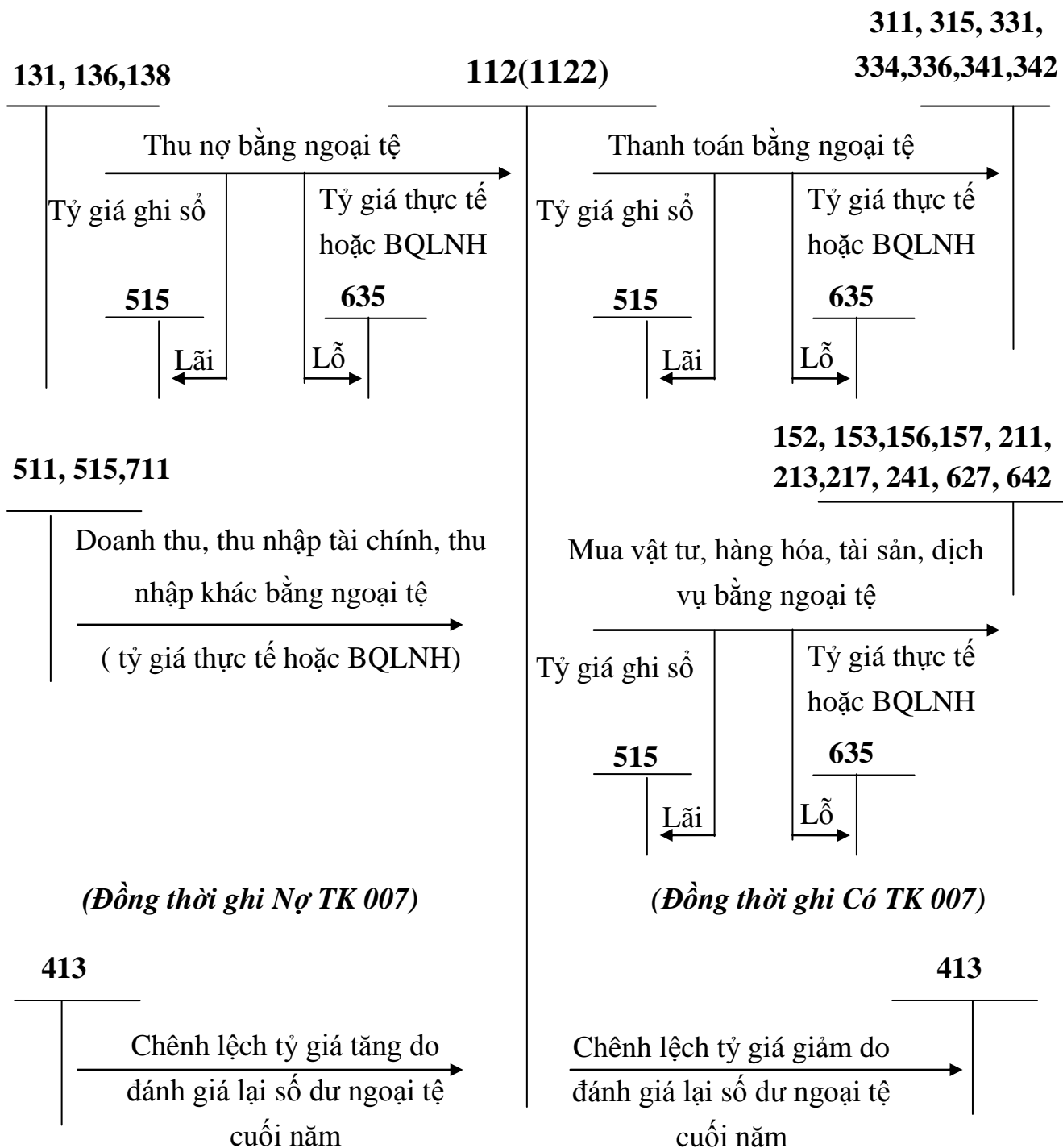
Sơ đồ 1.4 : Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam



1.4.5. Kế toán các nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kế toán liên quan đến tiền gửi ngân hàng được phản ánh qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.5: Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ



1.5. Kế toán tiền đang chuyển

- Tiền đang chuyển là khoản tiền mặt, tiền séc đã xuất khỏi quỹ của doanh nghiệp đã gửi vào ngân hàng, kho bạc nhà nước hoặc các công ty tài chính hay đã chuyển vào bưu điện để chuyển vào ngân hàng hoặc đã làm thủ tục để chuyển từ tài khoản tiền gửi ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo báo nợ, báo có hay bảng sao kê của ngân hàng.

- Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam, ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau đây:

- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác
- Thu tiền mặt hoặc nộp séc nộp thẳng vào ngân hàng
- Thu tiền bán hàng nộp thuế ngay cho Kho bạc Nhà nước
- Tiền doanh nghiệp đã lưu ý cho các hình thức thanh toán séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền ...

1.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp séc
 - Các chứng từ gốc kèm theo khác như: séc các loại, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu.

1.5.2. Tài khoản kế toán sử dụng

TK 113 – Tiền đang chuyển

<p>- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, séc đã nộp vào ngân hàng, gửi qua bưu điện</p> <p>- Chênh lệch tăng tỷ giá ngoại tệ cuối kỳ do đánh giá lại</p> <p><u>Số dư:</u> Số tiền còn đang chuyển cuối kỳ</p>	<p>- Các khoản tiền mặt Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc .. rút ra từ ngân hàng</p> <p>- Chênh lệch giảm tỷ giá ngoại tệ cuối kỳ do đánh giá lại</p>
--	--

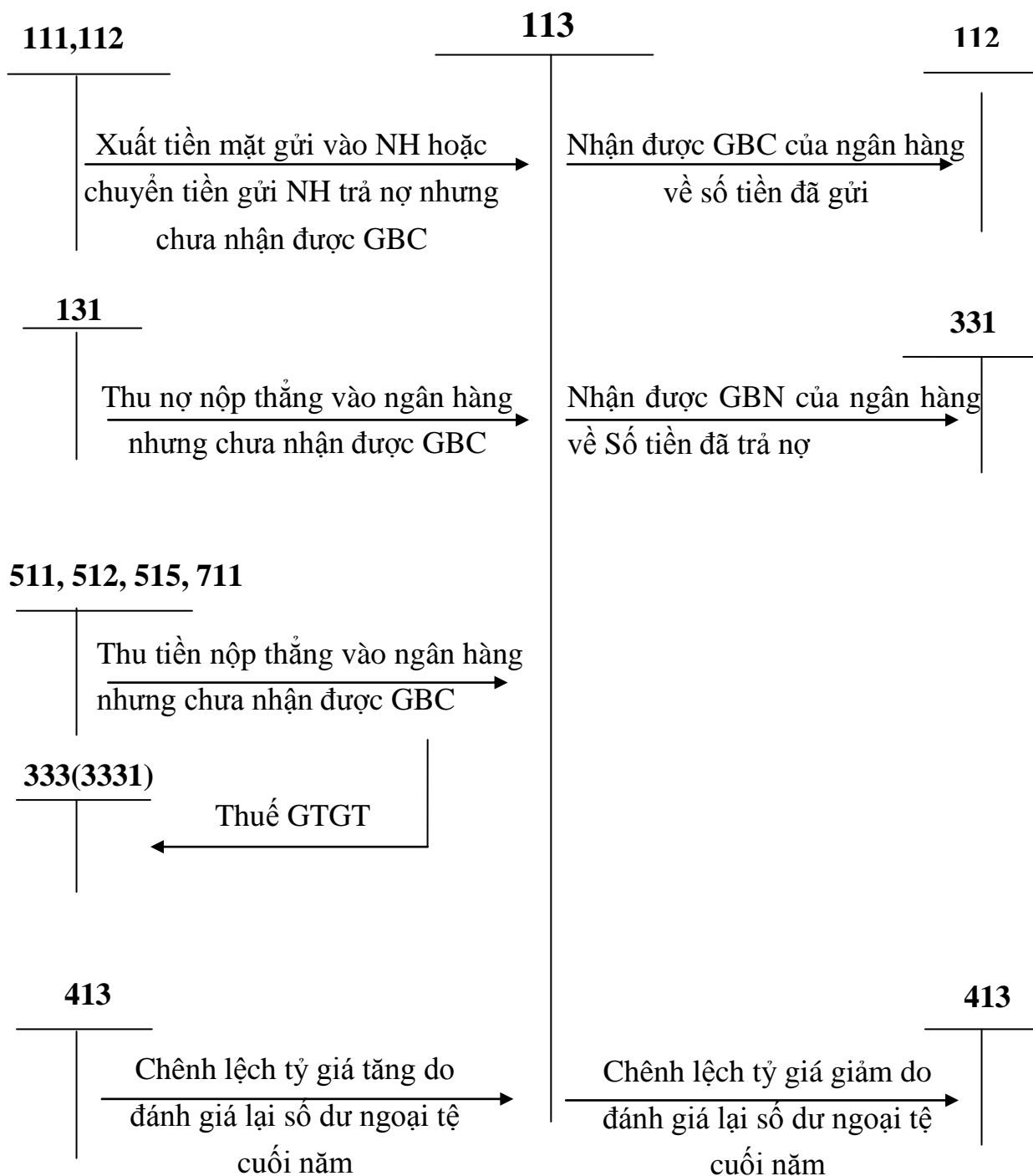
Tài khoản 113 có 2 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 1131- Tiền Việt Nam
- + Tài khoản 1132- Ngoại tệ

1.5.3. Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu của tiền đang chuyển

Được phản ánh qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.5 : Kế toán tiền đang chuyển



1.6. Tổ chức sổ kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp

Tùy theo từng hình thức kế toán áp dụng ở doanh nghiệp mà trình tự ghi sổ và hệ thống sổ kế toán được mở để ghi chép, theo dõi, tính toán xử lý, tổng hợp số liệu lên các báo cáo tài chính khác nhau.

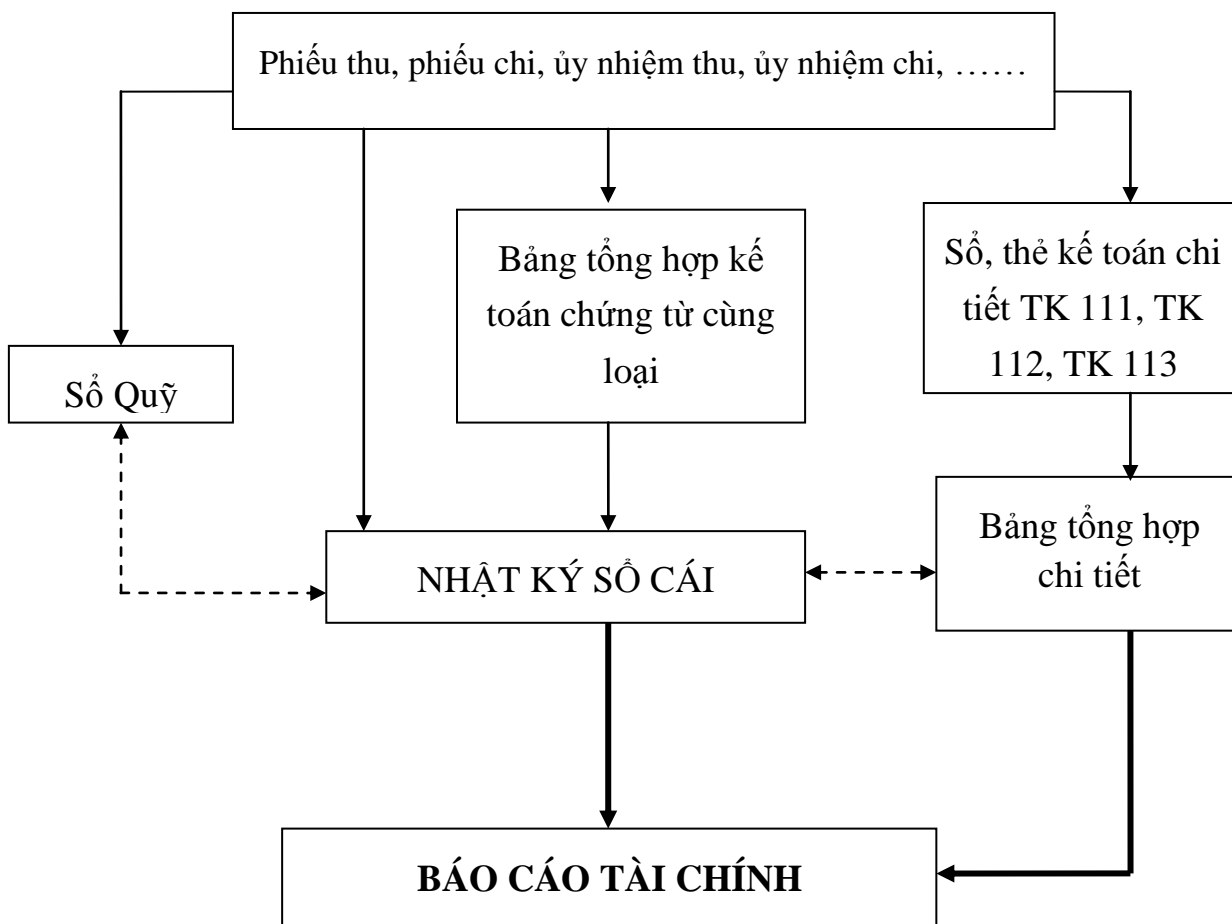
1.6.1. Hình thức “nhật ký - sổ cái”

- Đặc điểm chủ yếu: Sử dụng Sổ Nhật ký – sổ cái làm sổ kế toán tổng hợp duy nhất để ghi chép tất cả các hoạt động kinh tế tài chính theo thứ tự thời gian và theo hệ thống.

- Hệ thống sổ kế toán gồm: Sổ Nhật ký – sổ cái và các sổ kế toán chi tiết.

- Trình tự ghi sổ:

Sơ đồ 1.6 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký- sổ cái



Ghi chú :

Ghi hằng ngày →

Ghi cuối tháng →

Đối chiếu, kiểm tra ↔

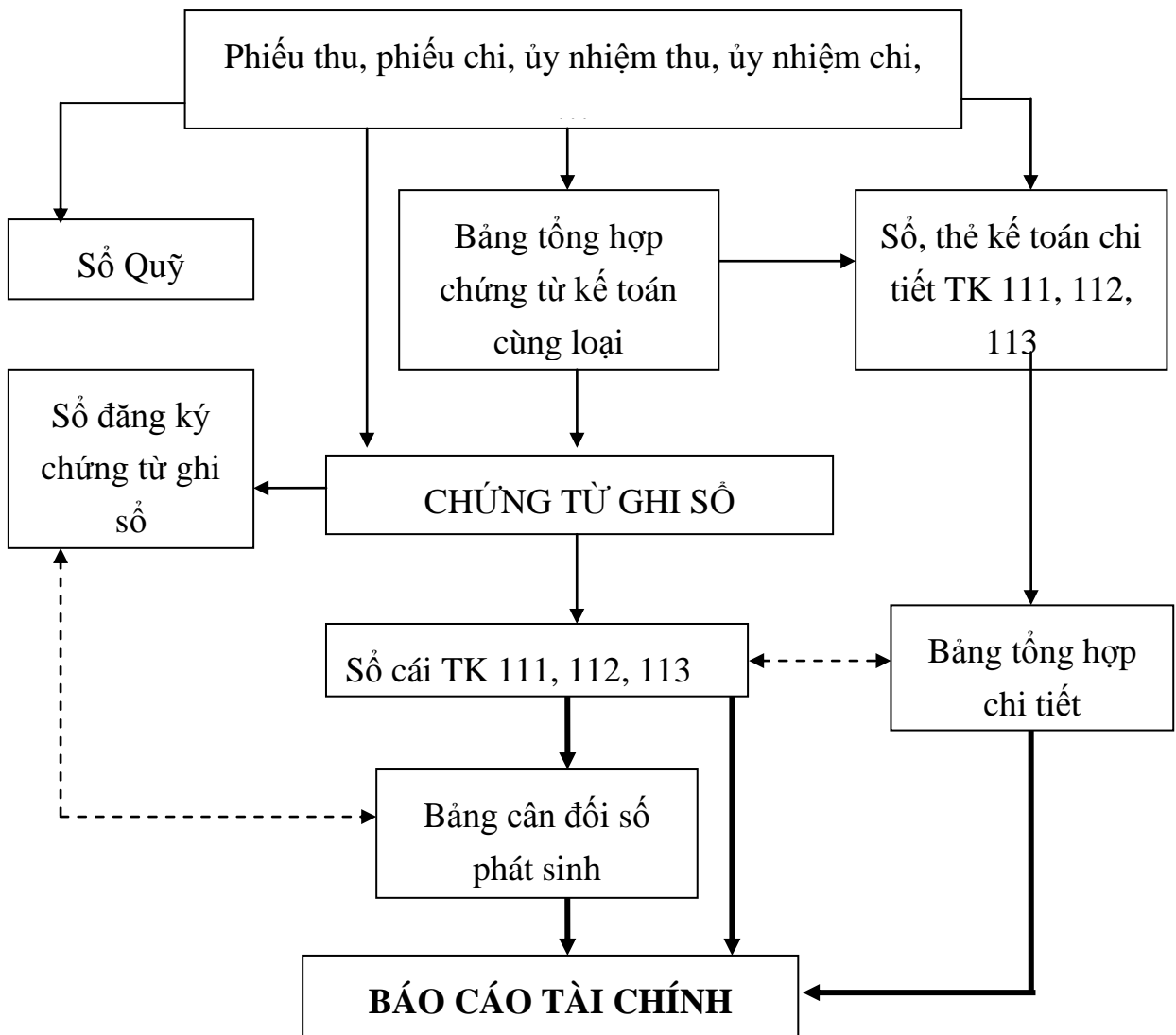
1.6.2. Hình thức “chứng từ ghi sổ”

- Đặc điểm chủ yếu: các hoạt động kinh tế tài chính được phản ánh ở chứng từ gốc đều được phân loại, tổng hợp số liệu, lập chứng từ ghi sổ, sau đó sử dụng chứng từ ghi sổ để ghi Sổ cái các tài khoản.

- Hệ thống sổ kế toán gồm: Sổ cái các tài khoản, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, các sổ kế toán chi tiết.

- Trình tự ghi sổ:

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hằng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: —————>

Đối chiếu kiểm tra: <----->

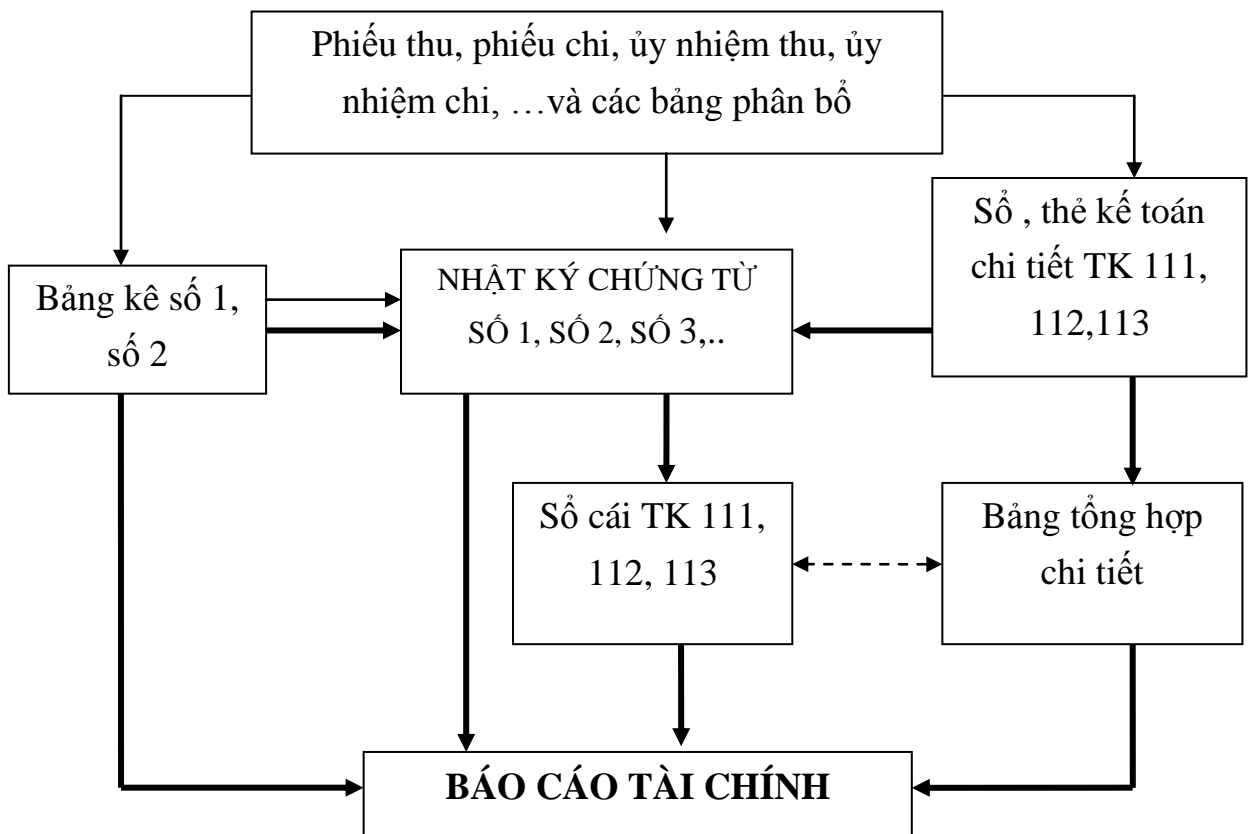
1.6.3. Hình thức “Nhật ký- chứng từ”

- Đặc điểm chủ yếu: các hoạt động kinh tế tài chính được phản ánh ở chứng từ gốc đều được phân loại để ghi vào các Sổ Nhật ký - chứng từ, cuối tháng tổng hợp số liệu từ các sổ nhật ký chứng từ ghi vào Sổ cái các tài khoản .

- Hệ thống sổ kế toán gồm: Sổ Nhật ký - chứng từ, Sổ cái các tài khoản, các sổ kế toán chi tiết. Ngoài ra còn sử dụng các bảng phân bổ, bảng kê để tính toán, tổng hợp, phân loại, hệ thống hóa số liệu phục vụ cho việc ghi sổ Nhật ký- chứng từ.

- Trình tự ghi sổ:

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Chứng từ



Ghi chú:

Ghi hằng ngày: —————→

Ghi cuối tháng: —————→

Đối chiếu kiểm tra: <----->

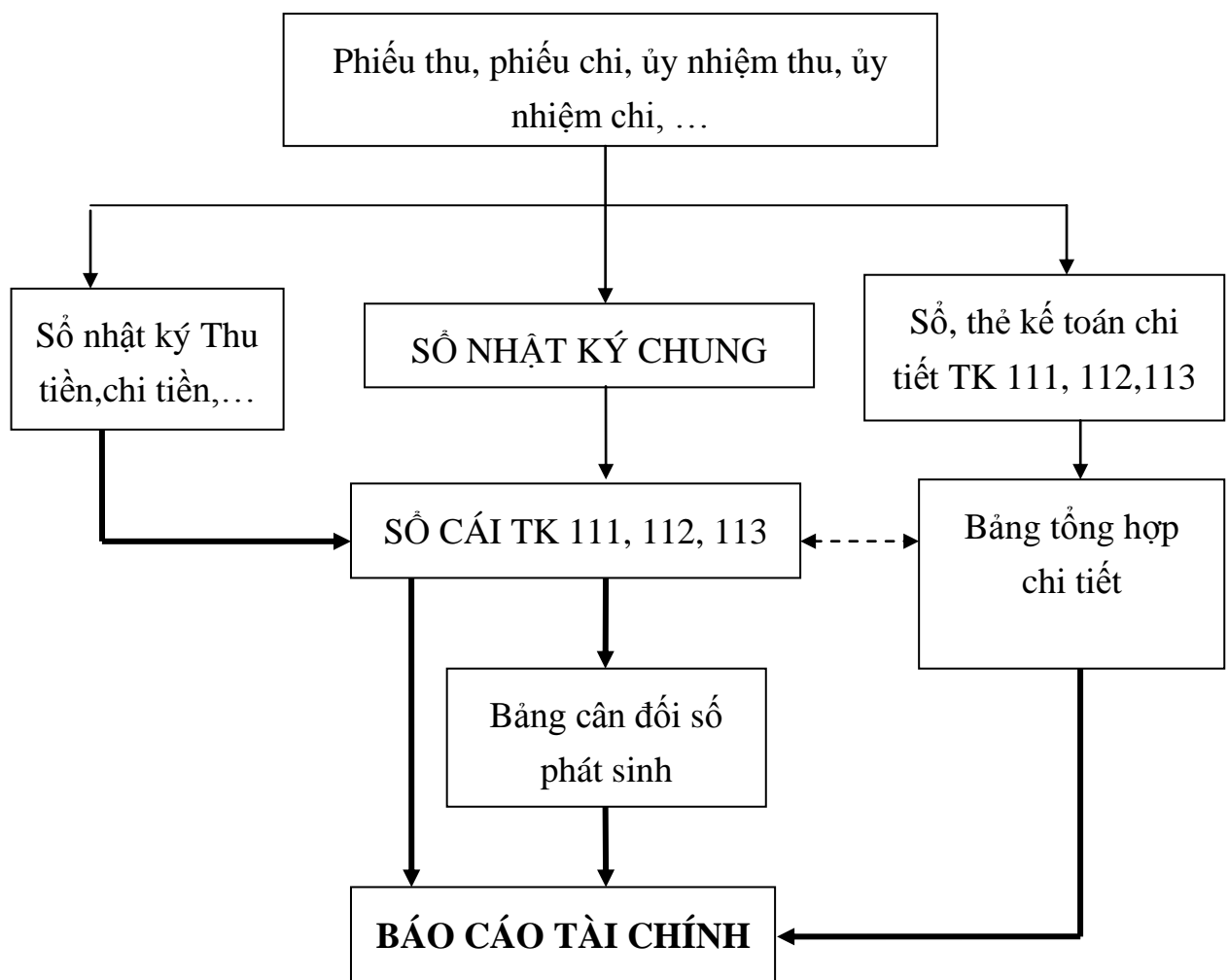
1.6.4. Hình thức “Nhật ký chung”

- Đặc điểm chủ yếu: Sử dụng Sổ Nhật ký chung để ghi chép tất cả các hoạt động kinh tế tài chính theo thứ tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản, sau đó sử dụng số liệu ở Sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản liên quan.

- Hệ thống sổ kế toán gồm: Sổ nhật ký chung, các Sổ Nhật ký chuyên dùng, Sổ cái các tài khoản, các sổ kế toán chi tiết.

- Trình tự ghi sổ:

Sơ đồ 1.9 : Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hằng ngày —————→

Ghi cuối tháng —————→

Quan hệ đối chiếu kiểm tra ←-----→

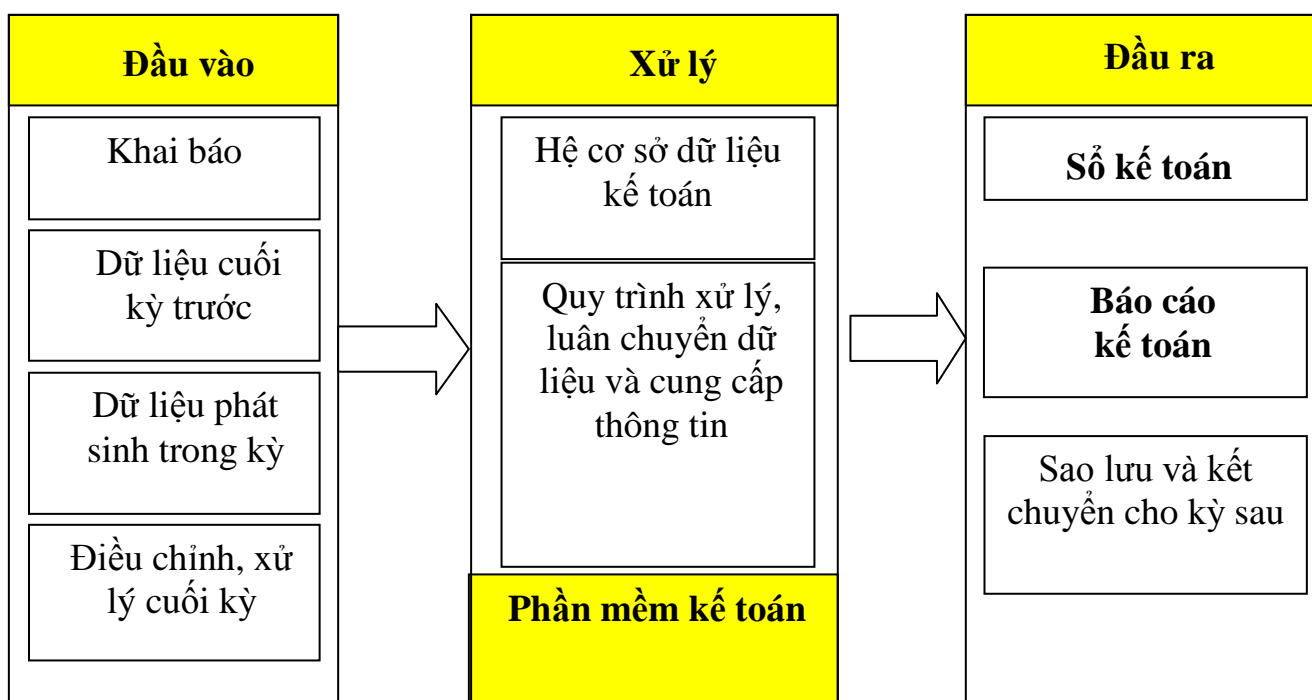
1.6.5. Hình thức “Kế toán máy”

Phần mềm kế toán: Là một loại phần mềm ứng dụng, được xác định bao gồm hệ thống các chương trình được lập trình sẵn nhằm thực hiện xử lý tự động các thông tin kế toán trên máy vi tính, bắt đầu từ khâu nhập chứng từ gốc, phân loại chứng từ, xử lý thông tin trên chứng từ theo quy trình của kế toán, sau đó in ra các sổ kế toán và báo cáo kế toán.

❖ Nguyên tắc và yêu cầu tổ chức kế toán máy

- Đảm bảo tính khoa học và hợp lý
- Phù hợp với đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của DN
- Thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin kịp thời
- Ghi nhận đầy đủ và kịp thời về hoạt động kinh tế của doanh nghiệp đồng bộ và tự động hoá cao
- Phù hợp với biên chế và trình độ cán bộ kế toán
- Quán triệt nguyên tắc tiết kiệm
- Chương trình kế toán có khả năng triển khai cài đặt nhanh chóng, tương thích với hệ điều hành máy tính
- Chương trình kế toán phải thuận tiện cho việc sửa chữa Sổ theo đúng quy định của luật kế toán
- Chương trình kế toán phải đảm bảo độ tin cậy và an toàn thông tin

❖ Quá trình xử lý thông tin kế toán được thực hiện theo sơ đồ sau:



➤ *Nhận dữ liệu đầu vào*

- Trong công đoạn này người sử dụng phải tự phân loại các chứng từ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh tế sau đó nhập bằng tay vào hệ thống tùy theo đặc điểm của từng phần mềm cụ thể.

- Các chứng từ sau khi được nhập vào phần mềm sẽ được lưu trữ vào trong máy tính dưới dạng một hoặc nhiều tệp dữ liệu.

➤ *Xử lý dữ liệu*

- Công đoạn này thực hiện việc lưu trữ, tổ chức thông tin, tính toán các thông tin tài chính kế toán dựa trên thông tin của các chứng từ đã nhập trong công đoạn 1 để làm căn cứ kết xuất báo cáo, sổ sách, thống kê trong công đoạn sau.

- Trong công đoạn này sau khi người sử dụng quyết định ghi thông tin chứng từ đã nhập vào nhật ký (đưa chứng từ vào hạch toán), phần mềm sẽ tiến hành trích lọc các thông tin cốt lõi trên chứng từ để ghi vào các nhật ký, sổ chi tiết liên quan, đồng thời ghi các bút toán hạch toán lên sổ cái và tính toán, lưu giữ kết quả cân đối của từng tài khoản.

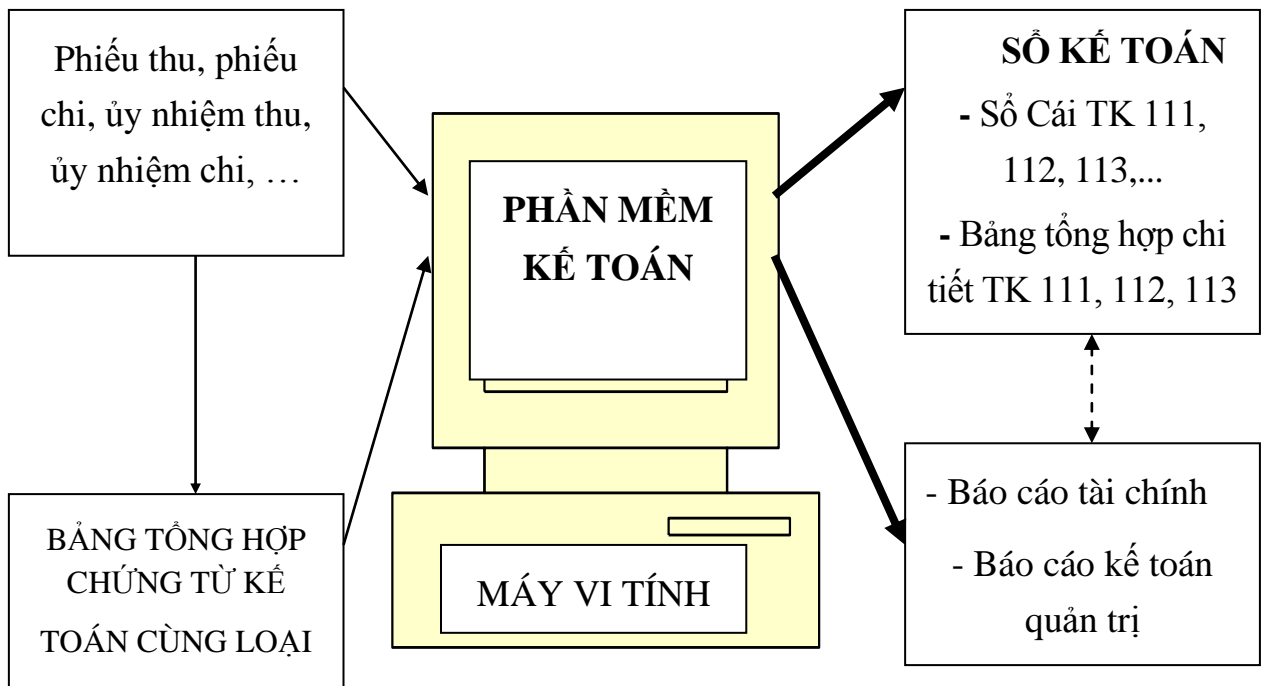
➤ *Kết xuất dữ liệu đầu ra*

- Căn cứ trên kết quả xử lý dữ liệu kế toán trong công đoạn 2, phần mềm tự động kết xuất báo cáo tài chính, báo cáo thuế, sổ chi tiết, báo cáo thống kê, phân tích,... Từ đó, người sử dụng có thể xem, lưu trữ, in ấn hoặc xuất khẩu dữ liệu,... để phục vụ cho các mục đích phân tích, thống kê, quản trị hoặc kết nối với các hệ thống phần mềm khác.

- Tùy theo nhu cầu của người sử dụng thực tế cũng như khả năng của từng phần mềm kế toán, người sử dụng có thể thêm, bớt hoặc chỉnh sửa các báo cáo nhằm đáp ứng được yêu cầu quản trị của đơn vị.

❖ Trình tự ghi sổ

Sơ đồ 1.8 : Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán máy



Ghi chú:

Ghi số liệu hàng ngày



Ghi cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra



CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG

2.1 Khái quát chung về công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty CPTM DV VT XM HP

❖ Giới thiệu chung về công ty

Tên công ty	: Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng
Tên tiếng Anh	: Hai Phong Cement Transport and Trading Join Stock Company
Tên viết tắt	: HPCTT
Biểu tượng của công ty	: 
Giấy chứng nhận ĐKKD	: Số 0200577563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần thứ 3 ngày 20/10/2012
Trụ sở chính	: Số 290 đường Hà Nội – Q.Hồng Bàng – TP.Hải Phòng
ĐT	: (84-31) 3.525.154 – 3824016
Fax	: (84-31) 3.540.417
Email	: hpctt@yahoo.com.vn
Website	: vtxmhp.com

- Loại hình doanh nghiệp

Là công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải, được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Vận tải và Sửa chữa Thủy thuộc Công ty Xi măng Hải Phòng theo Quyết định số 1753/QĐ-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Qui mô doanh nghiệp

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	10.860.400.000	53,86
Cổ đông là người trong và ngoài doanh nghiệp	9.303.450.000	46,14
Cộng	20.163.850.000	100

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 20.163.850.000 VND

❖ Khái lược lịch sử hình thành

Công ty cổ phần Thương mại - Dịch vụ - Vận tải Xi măng Hải Phòng tiền thân là phân xưởng Cơ Giới, phân xưởng Sửa chữa sà lan, Đoàn vận tải thủy của Nhà máy xi măng Hải Phòng và Liên đội vận tải thủy, bộ thuộc Công ty cung ứng vật tư thiết bị số 3 - Bộ Xây dựng, lịch sử phát triển của Công ty gắn liền với sự phát triển của Nhà máy xi măng Hải Phòng.

Giai đoạn từ 10/9/1899 đến 6/1955

- Ngày 10/9/1899 Công ty Xi măng Poóclan nhân tạo Đông Dương được thành lập cũng chính là ngày ra đời của Nhà máy xi măng Hải Phòng và của **Đoàn vận tải thủy, Đoàn vận tải bộ**. Công ty Xi măng Poóclan nhân tạo Đông Dương độc quyền khai thác nguyên liệu tại khu núi đá vôi Trảng Kênh nằm ở vùng hữu ngạn sông Đá Bạc cách Hải Phòng 17km theo đường chim bay và khai thác đất sét tại bãi sông cửa Cấm, toàn bộ khối lượng khai thác được đoàn vận tải thủy vận chuyên về Nhà máy là nguyên liệu chính để sản xuất xi măng.

Giai đoạn từ ngày 6/11/1955 đến ngày 10/3/1997

- Hoà bình được lập lại trên miền Bắc, Nhà máy Xi măng Hải Phòng phát động nhiều phong trào thi đua như phong trào thi đua “Ba nhất” , phong trào thi đua “Bốn ngọn cờ hồng” với khẩu hiệu hành động “Hãy sản xuất nhiều xi măng cho Tổ quốc”, trong cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ra miền Bắc, Nhà máy xi măng Hải Phòng nhanh chóng chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến đảm bảo duy trì và đã sản xuất nhiều chủng loại xi măng để xây dựng các công trình quan trọng như công trình Lãng Bạc, Bảo tàng Hồ Chí Minh, nhà máy xi măng Bim Sơn, nhà máy Kính đáp cầu, nhà máy thủy điện

Hoà Bình, cầu Thăng Long... Cán bộ công nhân viên đơn vị vận tải luôn hoàn thành nhiệm vụ tiếp nhận vận chuyển hàng triệu tấn sản phẩm đầu ra để đảm bảo cho sản xuất được thường xuyên liên tục, ngoài ra đơn vị còn tiếp nhận và vận chuyển hàng triệu tấn hàng hoá thiết bị từ cảng Hải Phòng đến chân các công trình xây dựng nhà máy xi măng Bim Sơn Thanh Hoá, nhà máy Kính Đáp Cầu, nhà máy bê tông Đạo Tú, bê tông Xuân Mai, Cung văn hoá Lao động Hữu nghị Việt Tiệp, nhà máy xi măng Bút Sơn, tham gia chiến dịch giải toả cảng Hải Phòng đưa hàng đến các tỉnh phía Bắc.

- Sau giải phóng miền Nam theo sự chỉ đạo của Chính phủ, đơn vị đã tập trung toàn lực để cùng các ngành đường sông, đường biển vận chuyển tiêu thụ hàng chục triệu tấn xi măng cho các tỉnh phía Nam để bình ổn giá cả thị trường và xây dựng đất nước.

Giai đoạn từ ngày 1/4/1997 đến ngày 28/2/2004

- Theo định hướng phát triển của ngành xi măng và từng bước chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất, trình độ chuyên môn cho các đơn vị thành viên trong Tổng công ty xi măng Việt Nam không ngừng trưởng thành về mọi mặt để cạnh tranh thắng lợi trên thương trường với các doanh nghiệp trong và ngoài ngành. Chủ tịch HĐQT Tổng công ty xi măng Việt Nam đã ký quyết định số 110/XMVN - HĐQT ngày 1/4/1997 trên cơ sở sáp nhập 4 đơn vị là đoàn vận tải thuỷ, đoàn vận tải tiêu thụ sản phẩm, phân xưởng cơ giới, phân xưởng sửa chữa thuỷ thành **xí nghiệp Vận tải và Sửa chữa thuỷ** trực thuộc công ty Xi măng Hải Phòng.

- Sau 7 năm hoạt động theo mô hình xí nghiệp trực thuộc công ty xi măng Hải Phòng, tập thể CBCNV của đơn vị từng bước trưởng thành về mọi mặt quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, với đội ngũ 420 CBCNV có trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ công nhân kỹ thuật, trung cấp, kỹ sư đến thạc sỹ, quản lý trên 8.520 tấn phương tiện thuỷ, 420 tấn phương tiện bộ, Xí nghiệp đã hoàn thành nhiệm vụ vận chuyển các nguyên liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất xi măng và vận chuyển xi măng đến các công trình xây dựng, sản lượng vận chuyển thuỷ bộ đạt trên 1,2 triệu tấn/ năm, thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa phương tiện

thuỷ bộ, đảm bảo việc làm đời sống cho người lao động ngày càng được cải thiện...

Giai đoạn từ 1/3/2004 đến 30/6/2007

- Thực hiện chủ trương chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về việc cổ phần hoá các doanh nghiệp Nhà nước trong xu thế nền kinh tế nước ta đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới, các doanh nghiệp quốc doanh quản lý theo cơ chế quan liêu bao cấp không còn phù hợp, đòi hỏi các doanh nghiệp nhà nước phải chuyển đổi mạnh mẽ để tồn tại và phát triển. Theo lộ trình cổ phần hoá của Tổng công ty xi măng Việt Nam, Công ty xi măng Hải Phòng đã lập phương án cổ phần hoá từng bộ phận của công ty trước mắt cổ phần hoá Xí nghiệp vận tải và sửa chữa thuỷ . Phương án cổ phần hoá đã được Tổng công ty xi măng Việt Nam và Bộ Xây dựng chấp nhận. Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ra quyết định số 1753/ QĐ - BXD ngày 29/12/2003 về việc: **Chuyển Xí nghiệp Vận tải và sửa chữa thuỷ** là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty xi măng Hải Phòng thành **Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng** và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1/3/2004 với số vốn điều lệ là 9.300.000.000 đồng, vào ngày 26/05/2007 tại Đại hội cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua nghị quyết trả cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn điều lệ công ty lên 10.415.580.000 đồng.

Giai đoạn từ 1/7/2007 đến nay

- Đến năm 2009 Vốn điều lệ của công ty tăng lên là 20.163.850.000 sau khi phát hành thêm cổ phiếu đợt thứ hai.

❖ Chức năng nhiệm vụ

- Vận chuyển vật tư đầu vào gồm : Than từ Quảng ninh về cho các nhà máy xi măng thuộc tổng công ty công nghiệp xi măng Việt nam, vận chuyển đá, đất sét, phụ gia cho công ty xi măng Hải phòng bằng các phương tiện tàu sông, xe vận tải chuyên dùng...

- Vận chuyển sản phẩm : Xi măng, clinker của công ty xi măng Hải phòng đi các tỉnh phía bắc bằng đường sông, đường bộ, đi các tỉnh miền trung, miền nam bằng đường biển.

- Đưa đón CBCN công ty xi măng Hải Phòng bằng xe ca, kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch.

- Sửa chữa các phương tiện thủy, bộ, dịch vụ rửa xe, trông coi và cho thuê địa điểm gửi xe ô tô, xe máy, xe đạp...cho thuê kho, bến thủy, bãi...

- Kinh doanh, đại lý xi măng

- Bốc xếp hàng hoá ga đường sắt, bốc xếp hàng hoá đường bộ, bốc xếp hàng hoá cảng biển, bốc xếp hàng hoá cảng sông.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty CPTM DV VT XMHP

2.1.2.1. Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật

- Bến Quỳnh cur: với diện tích 4.000 m² và 100 m kè hiện đang cho thuê bốc xếp hàng hoá.

- Mặt bằng số 290 Sở dầu- Hồng Bàng- HP, diện tích 9.200 m² làm trụ sở chính của Công ty và bãi đỗ xe, nhà để xe kinh doanh.

- Mặt bằng khu vực triển đà 62.000m² làm kho, xưởng sửa chữa phương tiện.

- Phương tiện vận tải thủy: 02 tàu tự hành 680T và 580T mới đầu tư năm 2007, 8 đầu kéo và 11 sà lan tổng cộng 2.500 tấn phương tiện

- Phương tiện vận tải bộ: 14 xe vận tải bằng 110 tấn phương tiện

- Máy gặt 01 chiếc, cần cẩu: 01 chiếc

- Xe ca loại 34 và 45 chỗ ngồi để vận chuyển CBCN: 14 chiếc

- Pongtong bốc xếp: 02 chiếc, dung tích gầu ngoạm 0,8m³ và 1,2m³.

2.1.2.2. Nguồn nhân lực

Hiện tại Công ty có 151 cán bộ công nhân viên:

- Thạc sỹ quản trị kinh doanh, Kinh tế vận tải biển: 02 người =1,3%

- Trình độ đại học: 17 người = 11,25 %

- Trình độ trung cấp: 03 người = 2 %

- Công nhân kỹ thuật, thợ lành nghề: 129 người = 85,45 %

2.1.2.3. Khó khăn và thuận lợi của công ty trong quá trình hoạt động

❖ Thuận lợi

- Công ty đã kiện toàn lại bộ máy, điều kiện cơ sở vật chất tốt, thực hiện thật chặt và tiết kiệm tối đa các chi phí trực tiếp và gián tiếp, giảm hao hụt, tiến hành

khoản chi phí.

- Công ty nhận được sự ưu đãi, quan tâm từ tổng công ty xi măng Việt nam tạo điều kiện ưu đãi từ công ty xi măng Hải phòng và sự ủng hộ của các công ty xi măng thành viên. Từ đó tạo ưu thế cạnh tranh với các doanh nghiệp khác.

- Đội ngũ cán bộ giao nhận của công ty dày dặn kinh nghiệm, chủ động xử lý công việc nhanh gọn hiệu quả.

- Đặc biệt, Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Tổng công ty Xi măng tạo điều kiện ưu đãi của công ty xi măng Hải Phòng, Tổng Công ty Xi măng Việt nam và sự ủng hộ của các công ty xi măng thành viên.

❖ Khó khăn

- Tình hình thị trường diễn biến phức tạp, chỉ số giá nhiều mặt hàng tăng cao đã có những ảnh hưởng không tốt tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác tổ chức và sắp xếp lại tổ chức nhưng cơ cấu lao động còn nhiều bất cập; năng suất, chất lượng chưa đạt hiệu quả cao.

Bảng 1.1: Các chỉ tiêu kinh tế của công ty

Chi tiêu \ Năm	2010	2011	So sánh	
			+/-	%
1. Doanh thu	50.553.898.105	62.728.855.569	12.174.957.464	+24%
2. Chi phí	50.121.043.840	61.276.509.523	11.155.465.683	+ 22%
3. LNST	2.599.160.606	2.522.399.956	-76.760.500	-2,95%
4.Thu nhập bq	3.300.000	3.500.000	200.000	+9.4%
5.Nộp ngân sách	623.070.757	840.799.985	217.729.228	34%
6.Số lao động	187	205	18	15%

Nguồn báo cáo kiểm toán 2010 và báo cáo tài chính 2011

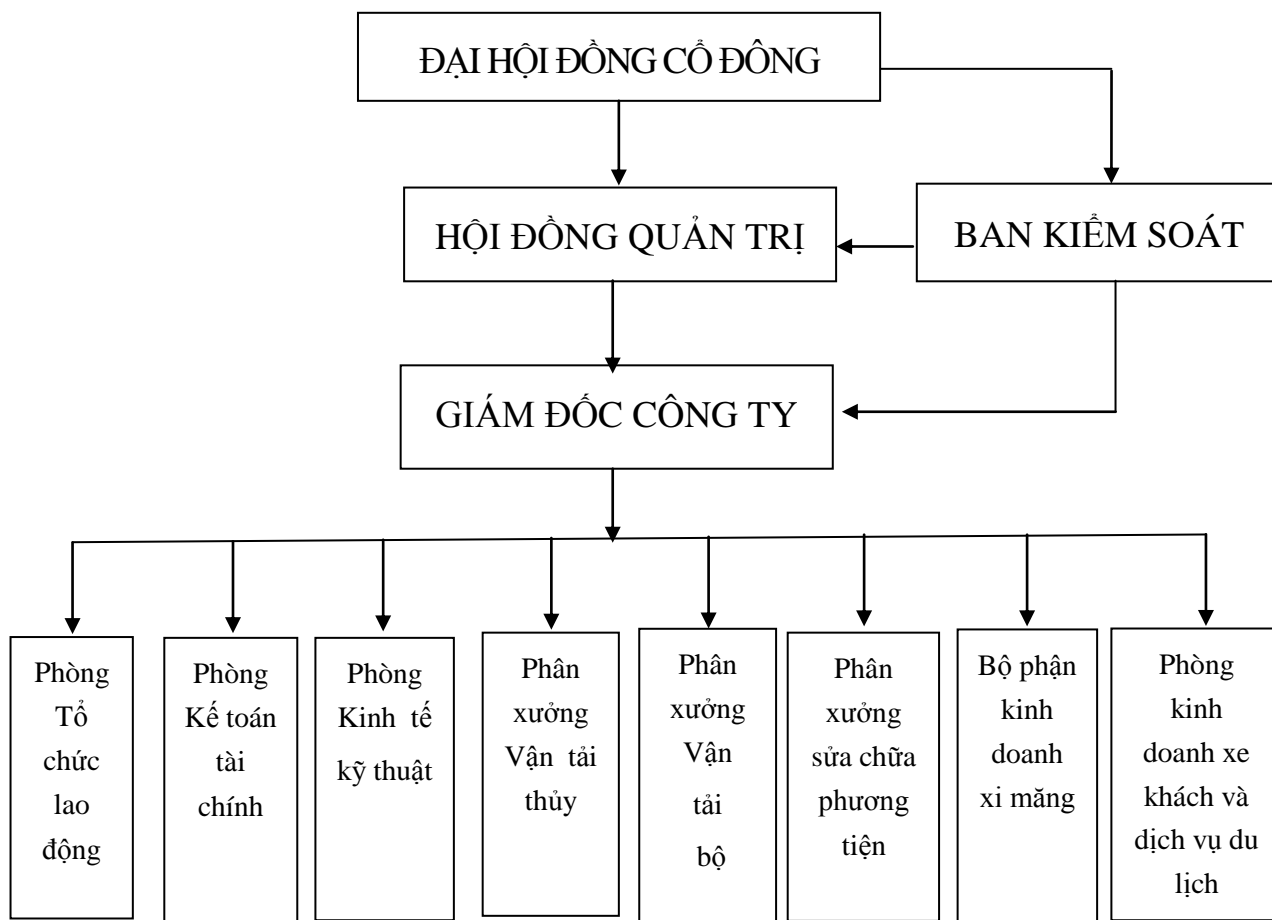
Nhìn vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong 2 năm qua ta thấy rằng, kết quả mà công ty đạt được khá cao điều đó đã nói lên sự cố gắng của công ty. Cụ thể: lương bình quân của các cán bộ nhân viên năm 2011 đã được cải thiện hơn so với năm 2010. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng rất cao từ khoảng hơn 50,5 tỷ năm 2010, tăng lên hơn 62,7 tỷ năm 2011 tương đương với tăng 24%/ năm. Có sự tăng vọt về doanh thu vậy là do công ty

đã nhận được nhiều hợp đồng về cung cấp dịch vụ vận tải và bán xi măng cho các công ty lớn về xây dựng. Lợi nhuận kinh doanh năm 2011 tuy giảm so với năm 2010 từ gần 2,6 tỷ đã giảm còn hơn 2,5 tỷ có thể do tình hình chung của nền kinh tế, tỷ lệ lạm phát cao, các khoản chi phí tăng lên (tăng 22% so với năm 2010) nhưng khoản lợi nhuận công ty đạt được vẫn đáng kể. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình với nhà nước. Từ kết quả trên ta thấy, công ty đã tăng mức lãi qua từng năm, điều đó chứng tỏ sự cố gắng của công ty trong tổ chức hoạt động kinh doanh. Với đà phát triển đó hứa hẹn trong tương lai hoạt động kinh doanh của công ty sẽ đem lại hiệu quả tốt hơn, ngày càng có được vị thế vững chắc trên thị trường.

2.1.3 Tổ chức quản lý của công ty CPTM DV VT XMHP

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của công ty



❖ Chức năng, nhiệm vụ:

Đại hội đồng cổ đông: Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Hiện tại, HĐQT Công ty Cổ phần Thương

mai - Dịch vụ - Vận tải xi măng Hải Phòng có 05 thành viên.

Ban kiểm soát: Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Ban Giám đốc: Ban Giám đốc của công ty gồm có Giám đốc và 01 Phó Giám đốc điều hành. Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Các phòng ban chức năng:

- Phòng Tổ chức lao động: Có chức năng hỗ trợ Giám đốc trong việc quản lý nhân sự, hành chính, thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước và của Công ty đề ra.

- Phòng Kế toán - Tài chính: Có nhiệm vụ tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát tình hình thực hiện công tác Tài chính, Kế toán trong toàn Công ty.

- Phòng Kinh tế kỹ thuật: Có chức năng xây dựng các kế hoạch, chiến lược, thảo luận các hợp đồng kinh tế cùng phòng kế toán tài chính theo dõi tình hình thu hồi công nợ, lập hồ sơ sửa chữa lớn nhỏ các phương tiện vận chuyên sau đó giao cho phòng kế toán hạch toán.

- Phân xưởng Vận tải thủy: Thực hiện vận chuyên hàng hoá bằng đường sông, biển cho khách hàng theo các hợp đồng vận chuyên liên phòng đã ký.

- Phân xưởng Vận tải bộ: Thực hiện vận chuyên hàng hoá bằng đường bộ cho khách hàng theo khối lượng trên hợp đồng.

- Phân xưởng Sửa chữa phương tiện: Chuyên sửa chữa các phương tiện thủy, bộ, dịch vụ rửa xe, thay dầu...

- Phòng kinh doanh xe khách và kinh doanh du lịch: Chuyên phục vụ đưa đón CBCNV nhà máy XMHP theo tuyến HP – Tràng Kênh, Minh Đức, Thủy

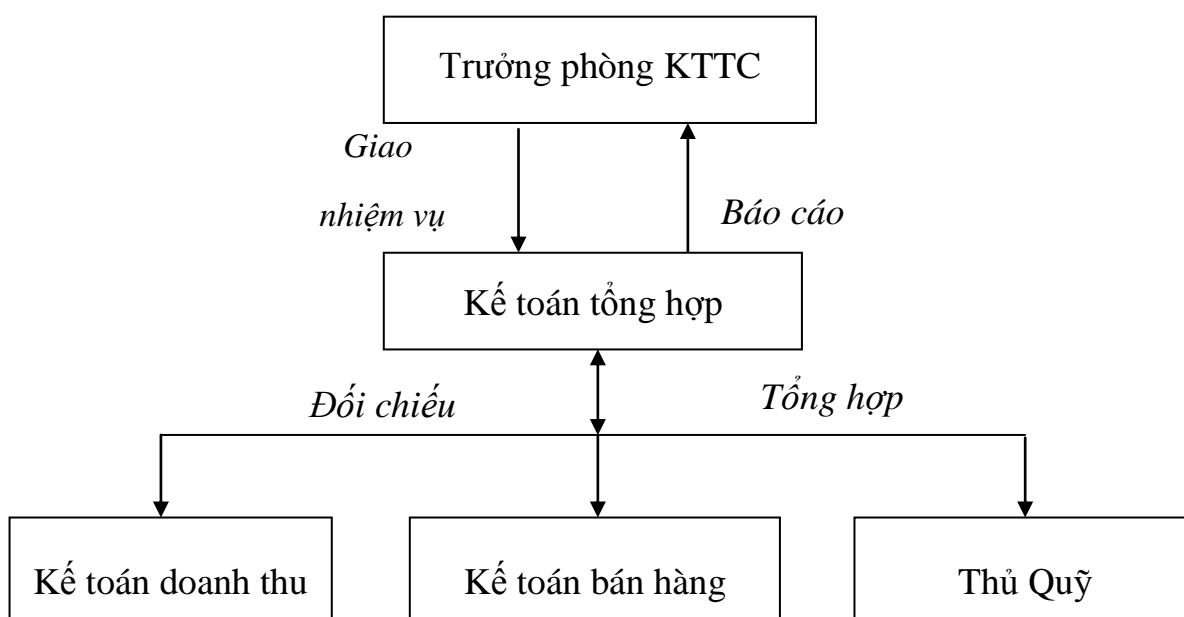
Nguyên. Và kinh doanh vận chuyển khách du lịch theo hợp đồng.

- Bộ phận Kinh doanh xi măng: Có chức năng tổ chức kinh doanh từ khâu tìm kiếm đầu vào, đầu ra cho đến xây dựng các kế hoạch, chiến lược kinh doanh nhằm phát triển thị trường của Công ty.

2.1.4. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty CPTM DV VT XMHP

2.1.4.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán

Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán của công ty



❖ Chức năng, nhiệm vụ:

Phòng kế toán tài chính có nhiệm vụ cung cấp số liệu giúp cho việc ra quyết định của Ban lãnh đạo. Bộ máy Kế toán được tổ chức tập trung thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc Giám đốc về mặt tài chính Kế toán Công ty.

Trưởng phòng kế toán:

- Chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động của phòng trước Lãnh đạo công ty. Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị

- Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các nhân viên, tổ chức hạch toán kịp thời theo tổ chức sản xuất của công ty, hướng dẫn nghiệp vụ cho các bộ phận liên quan

về biểu mẫu, luân chuyển chứng từ, thanh quyết toán.

- Lập BCTC, BCQT, báo cáo hợp nhất Tổng công ty, báo cáo quyết toán thuế

TNDN, báo cáo thường niên gửi Ủy Ban Chứng Khoán, Trung Tâm Giao Dịch Hà Nội, lập báo cáo của người quản lý vốn tại doanh nghiệp, các báo cáo khác theo yêu cầu của Lãnh đạo công ty, Tổng công ty và các cơ quan chức năng.

- Hạch toán tổng hợp kết quả kinh doanh toàn công ty
- Làm các công việc khác theo sự phân công của Lãnh đạo công ty.

Kế toán tổng hợp:

- Hạch toán các TK 331 – Phải trả người bán, TK 3351- Chi phí phải trả dịch vụ thuê ngoài, TK 152 – Nguyên nhiên vật liệu chi tiết theo từng loại vật tư, theo từng kho, theo nhà cung cấp, thường xuyên đối chiếu công nợ với khách hàng.

- Hạch toán TK 141- Tạm ứng, TK 221- TSCĐ, TK 334, 338- Tiền lương và BHXH.

- Xuất hóa đơn GTGT bán xi măng theo đề nghị của bộ phận kinh doanh xi măng, cập nhật hóa đơn GTGT bán xi măng và bảng kê thuế GTGT đầu ra hàng tháng.

- Có trách nhiệm tra soát các TK để phục vụ công tác tổng hợp số liệu.

- Hạch toán TK 1121- Tiền gửi ngân hàng, TK 128- Đầu tư ngắn hạn, TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính, TK 711- Doanh thu khác.

- Thực hiện nhận và đặt lệnh mua, bán chứng khoán cho Cổ đông theo quy định. Trả lời, hướng dẫn cho Cổ đông các thủ tục liên quan đến chứng khoán, làm các thủ tục hợp lệ theo yêu cầu của Cổ đông.

- Phụ trách mạng nội bộ phòng Kế toán tài chính, sao lưu số liệu kế toán, theo dõi và đưa thông tin theo yêu cầu của Lãnh đạo công ty lên Website, trực tiếp quản lý mật khẩu truy cập Website.

Kế toán doanh thu

- Hạch toán phần doanh thu dịch vụ TK 5113, các khoản phải thu của khách hàng TK 131. Theo dõi kịp thời chính xác công nợ, thường xuyên đôn đốc đối chiếu thu hồi nợ bằng văn bản, theo dõi thống kê các hợp đồng kinh tế

- Hạch toán quỹ tiền mặt TK 111

- Thống kê theo dõi sản lượng, doanh thu chi tiết theo từng hoạt động SXKD

- Hàng tháng lập báo cáo thuế GTGT, theo dõi hoạch toán TK 1331 và 3331

- Hạch toán phân bổ chi phí CCDC, chi phí bảo hiểm phương tiện qua TK 1421 chính xác theo vụ việc theo tiểu khoản. Quản lý hóa đơn GTGT.
- Viết các phiếu nhập, xuất vật tư, phiếu lĩnh nhiên liệu, phiếu thu, phiếu chi.

Kế toán bán hàng:

- Có trách nhiệm hoạch toán bộ phận kinh doanh xi măng, cập nhật phiếu xuất kho xi măng, phiếu nhập mua xi măng, theo dõi các khoản nợ bán xi măng chi tiết theo nhân viên bán hàng, theo khách hàng, lập phiếu thu tiền bán xi măng.
- Cuối tháng kết hợp với nhân viên thống kê đối chiếu công nợ tiền bán xi măng, kiểm kê các kho xi măng, lập báo cáo nhập xuất tồn (TK 156), báo cáo công nợ phải thu bán xi măng (TK 131), báo cáo doanh thu bán XM (51111).
- Phụ giúp công tác kế toán theo sự phân công của phòng kế toán tài chính.

Thủ quỹ

- Hằng ngày có trách nhiệm thu – chi đúng quy định, bảng kê thanh toán phải có đầy đủ chữ kí của người nhận tiền, người nộp tiền, kế toán và Giám đốc.
- Cuối ngày khóa sổ đối chiếu số quỹ tiền mặt với kế toán thanh toán, ký sổ quỹ, tiến hành niêm phong kết cuối ngày.
- Có trách nhiệm nộp và rút tiền ngân hàng theo lệnh của Lãnh đạo phòng kế toán tài chính và Giám đốc công ty.
- Phát lương tạm ứng, thưởng cho CBCNV sản xuất kinh doanh tại Trảng Kênh. Thu phiếu xăng dầu của công ty hàng tháng.

2.1.4.2. Đặc điểm chính sách và phương pháp kế toán công ty CPTM DV VT XMHP áp dụng

❖ Chế độ kế toán áp dụng

- Chế độ kế toán áp dụng : theo Quyết Định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ kế toán: Đồng Việt Nam.

❖ Chính sách kế toán áp dụng

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: theo Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009.

+ Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính): theo nguyên giá, phản ánh theo 3 chỉ tiêu là nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

+ Phương pháp khấu hao TSCĐ theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

Thời gian khấu hao áp dụng tại công ty:

Nhà và vật kiến trúc:	05 – 15 năm
Máy móc thiết bị	06 – 08 năm
Phương tiện vận tải :	07 – 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý:	03 – 05 năm

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

+ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: theo giá gốc

+ Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: theo giá bình quân gia quyền

+ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính thuế:

Công ty áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, các loại thuế được tính theo đúng quy định của Bộ Tài Chính.

❖ Tổ chức hệ thống chứng từ tài khoản

- Hệ thống chứng từ của công ty được áp dụng đúng theo các biểu mẫu thuộc chế độ kế toán hiện hành, đồng thời sử dụng các chứng từ đặc trưng riêng để phù hợp với các đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Bao gồm:

- Lao động tiền lương: bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, bảng thanh toán BHXH, bảng tạm ứng lương, Hợp đồng lao động

- Hàng tồn kho: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho, biên bản giao nhận hàng,...

- Bán hàng: hóa đơn GTGT, bảng kê mua hàng, bán hàng...

- Tiền tệ: phiếu thu, phiếu chi, phiếu đề nghị tạm ứng, phiếu đề nghị thanh toán, giấy thanh toán tạm ứng, giấy thanh toán,...

- Tài sản cố định: biên bản giao nhận TSCĐ, biên bản thanh lý TSCĐ,...

❖ Hình thức kế toán áp dụng

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh cũng như trình độ và khả năng của đội ngũ kế toán, công ty áp dụng hình thức kế toán **Nhật ký chung**.

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán tiền mặt tại công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng

Tiền mặt tại quỹ của công ty chỉ có tiền Việt Nam, không có ngoại tệ, không có vàng bạc, kim khí quý, đá quý. Công tác quản lý tiền mặt tại quỹ phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có chứng từ hợp lệ như phiếu thu, phiếu chi. Phiếu thu, phiếu chi được lập thành 3 liên, phải có đủ chữ ký của người nhận tiền, người giao tiền, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một liên lưu tại nơi lập phiếu, các liên còn lại chuyển cho thủ quỹ để thu hoặc chi tiền. Sau khi nhập hoặc xuất tiền, thủ quỹ phải đóng dấu đã thu hoặc đã chi và ký tên, giữ một liên để lưu sổ quỹ, một liên giao cho người nộp hoặc nhận tiền. Cuối ngày chuyển cho kế toán ghi sổ.

- Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục trình tự các khoản thu, chi quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ ở mọi thời điểm.

- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế. Số tiền mặt tồn quỹ luôn phải trùng khớp với số liệu trong sổ quỹ và sổ kế toán tiền mặt. Mọi trường hợp sai lệch phải tìm ra nguyên nhân để xử lý kịp thời.

2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu (MS 01 - TT)
- Phiếu chi (MS 02 - TT)
- Giấy đề nghị thanh toán
- Giấy xin tạm ứng tiền mặt
- ...

2.2.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản sử dụng

Để theo dõi tình hình hiện có, biến động tăng, biến động giảm tiền mặt kế toán sử dụng tài khoản “111”- Tiền mặt.

Công ty không sử dụng ngoại tệ để thanh toán trong giao dịch bằng tiền mặt

❖ Sổ kế toán tổng hợp

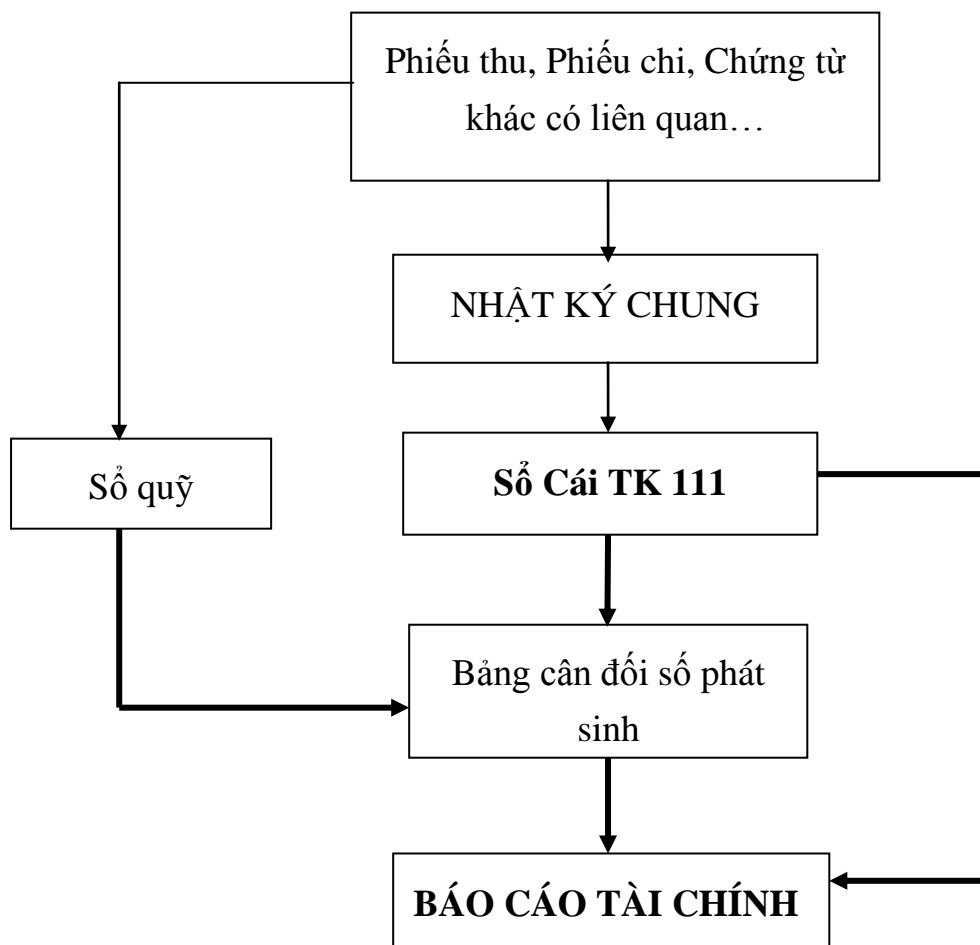
Trong hình thức kế toán Nhật ký chung mà Công ty đang áp dụng thì kế toán tiền mặt gồm các sổ kế toán sau:

- Sổ quỹ tiền mặt
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 111

2.2.3. Quy trình kế toán tiền mặt tại công ty CP TM DV VT XMHP

❖ Quy trình kế toán

Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán tiền mặt tại công ty



Ghi chú:

Ghi hằng ngày →

Ghi cuối tháng →

Quan hệ kiểm tra đối chiếu ←- - - - ->

- Căn cứ vào chứng từ thu chi hàng ngày và các chứng từ khác có liên quan kế toán làm công tác tiền định khoản nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi vào sổ nhật

ký chung. Từ Nhật ký chung ghi vào sổ Cái 111 và tài khoản có liên quan. Từ phiếu thu, phiếu chi thủ quỹ ghi vào sổ quỹ tiền mặt.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ Cái TK 111 lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

❖ Khảo sát số liệu tháng 12 năm 2011

Dưới đây em xin trích dẫn một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 12 năm 2011 của công ty:

Ngày 2/12/2011 Công ty thu tiền của nhân viên Nguyễn Thu Hiền về số tiền bán 8tân xi măng cho khách lẻ Chính – An Hồng ngày 1/12, số tiền: 10.080.000đ

- Căn cứ vào tờ kê bán xi măng (Biểu 1.2) của nhân viên Hiền kế toán lập phiếu thu tiền bán hàng PT 06/12 (Biểu 1.3).

- Kế toán định khoản nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền mặt.

Nợ TK 111: 10.080.000

Có TK 1311: 10.080.000

Biểu 1.2:

TỜ KÊ BÁN XI MĂNG

STT	Ngày bán	Người bán	ĐVT	SL	Đơn giá (chưa VAT)	Thành tiền
1	01/12/2011	Nguyễn Thu Hiền	Tấn	8	1.145.454,5	9.163.636
2						
3						
4						
5						
		Cộng				9.163.636

Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Kế toán
(ký tên)

Người bán
(ký tên)

Biểu 1.3:

<p>TỔNG CTY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM CTY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG</p>		<p>Mẫu số 01- TT (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC) Quyển số : Số : 06 NỢ 111 CÓ 1311</p>		
		<p>PHIẾU THU Ngày 02 tháng 12 năm 2011</p>		
Họ tên người nộp tiền :	Nguyễn Thị Hiền			
Địa chỉ:	Phòng kinh doanh			
Lý do nộp:	Tiền bán xi măng			
Số tiền :	10.080.000 đ	(Viết bằng chữ)		
	<i>Mười triệu không trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.</i>			
Kèm theo:	01	chứng từ gốc.		
Đã nhận đủ số tiền:				
		Ngày 02 tháng 12 năm 2011		
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(Đã ký, đóng dấu)</i>	<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>

Ngày 04/12 nhân viên Liễu rút tiền gửi ngân hàng Công Thương Hồng Bàng – HP về nhập quỹ chuẩn bị trả lương CNV, số tiền: 700.000.000đ

- Căn cứ vào số tiền thực tế và các chứng từ có liên quan kế toán lập phiếu thu rút tiền gửi Ngân hàng về nhập quỹ cho công ty PT 13 /12 (Biểu số 1.4).
- Kế toán định khoản nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền mặt.

Nợ TK 111: 700.000.000

Có TK 1121: 700.000.000

Biểu 1.4

TÔNG CTY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM		Mẫu số 01- TT		
CTY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG		(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)		
PHIẾU THU				
Ngày 04 tháng 12 năm 2011		Quyển số : Số : 13 NỢ 1121 CÓ: 111		
Họ tên người nộp tiền :	Nguyễn Bích Liễu			
Địa chỉ:	Phòng KTTC			
Lý do nộp:	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ			
Số tiền : 700.000.000 đ	(Viết bằng chữ) Bảy trăm triệu đồng chẵn./.			
Kèm theo:	01	chứng từ gốc.		
Đã nhận đủ số tiền:		Ngày 04 tháng 12 năm 2011.		
Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nộp tiền	Thủ quỹ
(<i>Đã ký, đóng dấu</i>)	(<i>Đã ký</i>)	(<i>Đã ký</i>)	(<i>Đã ký</i>)	(<i>Đã ký</i>)

Ngày 9/12/2011 Công ty chi tiền tạm ứng chi phí mua đồ tiếp khách cho nhân viên Ngô Thị Tuyết Lan, số tiền: 4.000.000đ

- Căn cứ vào Giấy đề nghị tạm ứng (Biểu 1.5) của nhân viên Lan – phòng kinh tế kỹ thuật nộp, kế toán lập phiếu chi tiền tạm ứng PC 26/12 (Biểu 1.6).
- Kế toán định khoản nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền mặt .

Nợ TK141 : 4.000.000

Có TK 111: 4.000.000

Biểu 1.5:

CTY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG		Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Độc lập – Tự do – Hạnh phúc	
GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG			
Họ và tên:	Ngô Thị Tuyết Lan		
Địa chỉ:	Phòng kinh tế kỹ thuật		
Lý do tạm ứng :	Tạm ứng tiền mua đồ tiếp khách		
Số tiền :	4.000.000 đ		
Viết bằng chữ:	Bốn triệu đồng chẵn./.		
Đề nghị Giám đốc xem xét giải quyết.			
			Ngày 08 tháng 12 năm 2011
GIÁM ĐỐC DUYỆT (<i>Đã ký, đóng dấu</i>)	PHÒNG KTTC (<i>Đã ký</i>)	PHÒNG KD (<i>Đã ký</i>)	NGƯỜI ĐỀ NGHỊ (<i>Đã ký</i>)

Biểu 1.6

TỔNG CTY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM		Mẫu số 01- TT	
CTY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG		(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)	
		Quyển số :	
		Số : 26	
		NỢ 141	
		CÓ 111	
		Ngày 09 tháng 12 năm 2011	
Họ tên người nhận tiền :	Ngô Thị Tuyết Lan		
Địa chỉ:	Phòng kinh tế kỹ thuật		
Lý do chi:	Tạm ứng tiền mua đồ tiếp khách		
Số tiền : 4.000.000 đ	(Viết bằng chữ)		
	Bốn triệu đồng chẵn./.		
Kèm theo:	01	chứng từ gốc.	
Đã nhận đủ số tiền:			
Ngày 09 tháng 12 năm 2011.			
Thủ trưởng đơn vị (<i>Đã ký, đóng dấu</i>)	Kế toán trưởng (<i>Đã ký</i>)	Người lập phiếu (<i>Đã ký</i>)	Thủ quỹ (<i>Đã ký</i>)
			Người nhận tiền (<i>Đã ký</i>)

Ngày 17/12/2011 công ty thu tiền bán 14 tấn xi măng cho Công ty Cổ phần điện tử viễn thông Kiến Quốc ngày 17/12/2011, số tiền (đã bao gồm VAT 10%) : 17.640.000 đ

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số **0000746** – (Biểu 1.7) và các chứng từ có liên quan kế toán lập phiếu thu tiền bán hàng cho công ty PT 31/12 (Biểu số 1.8).

- Kế toán định khoản nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền mặt.

Nợ TK 131: 17.640.000

Có TK 511: 16.036.364

Có TK 3331: 1.603.636

Nợ TK 111: 17.640.000

Có TK 131: 17.640.000

Biểu 1.7

HÓA ĐƠN		Mẫu số:			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		01GTKT3/001			
<i>Liên 3: Nội bộ</i>		Ký hiệu: AA/11P			
<i>Ngày 17 tháng 12 năm 2011</i>		Số: 0000746			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẠN TÀI XI MĂNG HẢI PHÒNG					
Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội- P. Sở Dầu- Q. Hồng Bàng- TP.Hải Phòng					
Điện thoại :		MST: 02 00577563			
Họ tên người mua hàng :					
Tên Đơn vị: Công ty Cổ phần điện tử viễn thông Kiến Quốc					
Địa chỉ: : Số 2 – Trung Hành – Đằng Lâm – Hải phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt		MST: 02 00657850			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4x5
1	Xi măng PCB 30 HP (P x 151 x 152/12)	Tấn	14	1.145.454,54	16.036.364
Cộng tiền hàng:					16.036.364
Thuế suất GTGT 10%		Tiền thuế GTGT:			1.603.636
Tổng cộng tiền thanh toán:					17.640.000
Số viết bằng chữ : “ Mười bảy triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng”/.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(ký,đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

Biểu 1.8

TỔNG CTY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM		Mẫu số 01- TT		
CTY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG		(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)		
PHIẾU THU		Quyển số :		
Ngày 17 tháng 12 năm 2011		Số : 31		
		NỢ 1111		
		CÓ 1311		
Họ tên người nộp tiền :	Nguyễn Thị Hạnh			
Địa chỉ:	Công ty cổ phần viễn thông Kiến Quốc			
Lý do nộp:	Thu tiền bán xi măng			
Số tiền :	17.640.000 đ	(Viết bằng chữ)		
	<i>Mười bảy triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng./.</i>			
Kèm theo:	01	chứng từ gốc.		
Đã nhận đủ số tiền:				
	Ngày 17 tháng 12 năm 2011			
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(Đã ký, đóng dấu)</i>	<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>

Ngày 31/12 Công ty Thanh toán tiền sửa chữa xe ca cho Tổ trưởng tổ xe ca Phạm Ngọc Long số tiền: 13.772.000đ

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số **0000257** (Biểu 1.9) và Giấy đề nghị thanh toán (biểu 1.10) kế toán lập phiếu chi tiền trả cho công ty PC 84/12 (Biểu số 1.11).

- Kế toán định khoản nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền mặt.

Nợ TK 3311: 13.772.000

Có TK 111: 13.772.000

Biểu 1.9

HÓA ĐƠN			Mẫu số:		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			01GTKT3/001		
<i>Liên 2: Giao người mua hàng</i>			Ký hiệu: AA/11P		
<i>Ngày 29 tháng 12 năm 2011</i>			Số: 0000257		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HỒNG TUYẾN					
Địa chỉ: Số 27 đường 5/1, P. Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại :			MST: 02 00785362		
Họ tên người mua hàng :					
Tên Đơn vị: Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng					
Địa chỉ: : Số 290 đường Hà Nội- P. Sở Dầu- Q. Hồng Bàng- TP.Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt			MST: 02 00577563		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4x5
1	Bơm bộ lái	Cụm	01	2.550.000	2.550.000
2	Xéc mông	Bộ	01	1.150.000	1.150.000
3	Ắc Pittong	Quả	06	380.000	2.280.000
4	Sô my	Quả	06	520.000	3.120.000
5	Khoan ta rô bulong hãm kim phun xe 16L 0635, 16L3007	cái	02	300.000	300.000
6	Công sửa chữa xe 16H9977	xe	01	2.600.000	2.600.000
7	Công sửa chữa xe 16H9466	Xe	01	520.000	520.000
Cộng tiền hàng:					12.520.000
Thuế suất GTGT 10%		Tiền thuế GT			1.252.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					13.772.000
Số viết bằng chữ : “Mười ba triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng”/.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

Biểu 1.10

**CTY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH
VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG**

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Họ và tên: Phạm Ngọc Long

Địa chỉ: Tổ xe ca

Số tiền thanh toán : **13.772.000 đ**

Viết bằng chữ: *“Mười ba triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng chẵn”*./.

Lý do thanh toán: Thanh toán tiền sửa chữa các xe 16H9977, 16H9466, 16L0635, 16L3007

Đề nghị Giám đốc xem xét giải quyết.

Ngày 30 tháng 12 năm 2011

GIÁM ĐỐC DUYỆT

PHÒNG KTTC

PHÒNG KTKT

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Đã ký, đóng dấu)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Biểu 1.11

TỔNG CTY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM		Mẫu số 01- TT		
CTY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG		(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)		
PHIẾU CHI		Quyển số :		
Ngày 31 tháng 12 năm 2011		Số : 84		
		NỢ 3311(HỒNG TUYỀN)		
		CÓ 1111		
Họ tên người nhận tiền :	Phạm Ngọc Long			
Địa chỉ:	Tổ xe ca			
Lý do chi:	Thanh toán tiền sửa chữa các xe 16H9977, 16H9466, 16L0635, 16L3007			
Số tiền:	13.772.000 đ	(Viết bằng chữ)		
“Mười ba triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng chẵn”./.				
Kèm theo:	02	chứng từ gốc.		
Đã nhận đủ số tiền:				
		Ngày 31 tháng 12 năm 2011.		
Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(Đã ký, đóng dấu)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

⇒ Từ chứng từ trên hàng ngày kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 1.13). Từ Nhật ký chung chuyển số liệu vào sổ Cái 111 (Biểu số 1.13) và từ phiếu thu, phiếu chi thủ quỹ ghi vào sổ quỹ tiền mặt TK 111 (Biểu số 1.12).

- Cuối quý tổng hợp số liệu từ sổ Cái vào Báo cáo tài chính.

Biểu 1.12

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP TM DV VT XM HẢI PHÒNG

Mẫu số S07- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Loại quỹ: Tiền Việt Nam

NT	Chứng từ		Diễn giải	Số phát sinh		Tồn quỹ
	Thu	Chi		Thu	Chi	
			Số dư đầu kỳ			<u>391.833.173</u>
			Số phát sinh			
					
02/12/11	PT 05		Nộp tiền bán XM cho khách Định-Tân viên	13.450.000		405.843.173
02/12/11	PT 06		Nộp tiền bán XM cho khách Chính-An Hồng	10.080.000		415.923.173
		
04/12/11	PT 13		Rút TGNH Công thương Hồng Bàng về nhập quỹ TM	700.000.000		866.141.290
					
09/12/11		PC 26	Tạm ứng tiền mua đồ về tiếp khách cho phòng KTKT		4.000.000	179.364.023
					
17/12/11	PT 32		Nộp tiền bán XM cho CT Cổ Phần điện tử viễn thông Kiến quốc	17.640.000		376.913.173
					
15/12/11		PC 43	Kinh phí hỗ trợ 04 huyện nghèo năm 2011		10.000.000	432.444.675
...	
31/12/11		PC 84	Thanh toán tiền sửa chữa xe ka cho CT TNHH Hồng Tuyển		13.772.000	305/765.138
31/12/11		PC 85	Ttoán CP SC thường xuyên các xe VTB tháng 12/2011 cho CT Sửa chữa ô tô Hưng Sơn		3.080.000	302.685.138
			Tổng cộng	2.343.868.273	2.433.016.272	
			Số dư cuối kỳ			<u>302.685.138</u>

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Biểu 1.13

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP TM DV VT XI MĂNG HẢI PHÒNG

Mẫu số S03a- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số phát sinh			
				
PT 05	02/12/11	Thu tiền bán xi măng (Định – Tân viên)	111 1311	13.450.000	13.450.000
				
PT 06	02/12/11	Thu tiền bán xi măng (Chính - An Hồng)	111 1311	10.080.000	10.080.000
				
PT 13	04/12/11	Rút TGNH về nhập quỹ tiền mặt	111 1121	700.000.000	700.000.000
				
PC 26	09/12/11	Tạm ứng tiền mua đồ tiếp khách	141 111	4.000.000	4.000.000
				
PC 43	15/12/11	Chuyển kinh phí hỗ trợ 04 huyện nghèo năm 2011 theo CV 02180 ngày 28/11/2011	33881 111	10.000.000	10.000.000
				
HD 0000746	17/12/11	Xuất bán 14 tấn XM (Cty Cp điện tử viễn thông Kiến Quốc)	1311 5111 3331 111 1311	17.640.000	16.036.364 1.603.364
				
HD 0000257	31/12/11	Thanh toán tiền sửa chữa xe ca (HONGTUYEN)	3311 111	13.772.000	13.772.000
				
PC 85	31/12/11	Thanh toán CP sửa chữa thường xuyên các xe VTB T12/2011 cho Cty sửa chữa Hưng Sơn	3311 111	3.080.000	3.080.000
		Tổng cộng		43.323.082.966	43.323.082.966

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

GIÁM ĐỐC

(ký, họ tên)

Biểu 1.14

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP TM DV VT XI MĂNG HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên Tài Khoản: Tiền mặt

Số hiệu tài khoản: 111

Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		<u>391.833.173</u>	
		Số phát sinh			
				
PT 05	02/12/11	Nộp tiền bán xi măng cho khách Định - Tân Viên	1311	13.450.000	
PT 06	02/12/11	Nộp tiền bán xi măng cho khách Chính - An Hồng	1311	10.080.000	
				
PT 13	04/12/11	Rút TGNH Công thương HB về nhập quỹ TM	1121	700.000.000	
				
PC 26	09/12/11	Tạm ứng tiền mua đồ về tiếp khách cho phòng KTKT	141		4.000.000
				
PT 32	12/12/11	Nộp tiền bán xi măng cho CT Cổ phần điện tử viễn thông Kiến Quốc	1311	17.640.000	
				
PC 43	15/12/11	Kinh phí hỗ trợ 04 huyện nghèo năm 2011	33881		10.000.000
				
PC 84	31/12/11	Thanh toán tiền sửa chữa xe ka cho CT TNHH Hồng Tuyển	3311		13.772.000
PC 85	31/12/11	Ttoán CP SC thường xuyên các xe VTB T12 cho CT Sửa chữa ô tô Hưng Sơn	3311		3.080.000
		Tổng cộng		<u>2.343.868.237</u>	<u>2.433.016.272</u>
		Số dư cuối kỳ		<u>302.685.138</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

2.3 Thực trạng tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng

Tiền gửi ngân hàng của các doanh nghiệp nói chung có thể gửi theo nhiều mục đích khác nhau. Để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phục vụ công tác xây dựng cơ bản, các doanh nghiệp có thể mở nhiều tài khoản khác nhau ở nhiều ngân hàng khác nhau để giao dịch.

Việc công ty gửi tiền vào ngân hàng không chỉ có tác dụng bảo đảm an toàn cho tiền vốn, thực hiện nguyên tắc thanh toán không dùng tiền mặt mà còn đem lại lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp khi vốn của doanh nghiệp bị nhàn rỗi thông qua khoản thu nhập từ lãi tiền gửi.

2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Lệnh chi
- Lệnh chuyển có (nhận từ ngân hàng)
- Sao kê tài khoản chi tiết (lệnh từ ngân hàng để kiểm tra)
- ...

2.3.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản sử dụng

Để hạch toán tiền gửi ngân hàng, Công ty sử dụng tài khoản 112 - tiền gửi ngân hàng. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình hiện có, tình hình biến động tất cả các loại tiền của đơn vị gửi tại Ngân hàng.

- Tài khoản 112 được mở chi tiết tại các ngân hàng như sau:

TK 1121 – TK tiền gửi tại ngân hàng Công thương, HB - HP

TK 1122 –TK tiền gửi tại ngân hàng Techcombank

TK 1123 – TK tiền gửi GDCK ngân hàng ĐT &PT Hà Thành,

Công ty Chứng Khoán Bảo Việt

❖ Sổ kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng

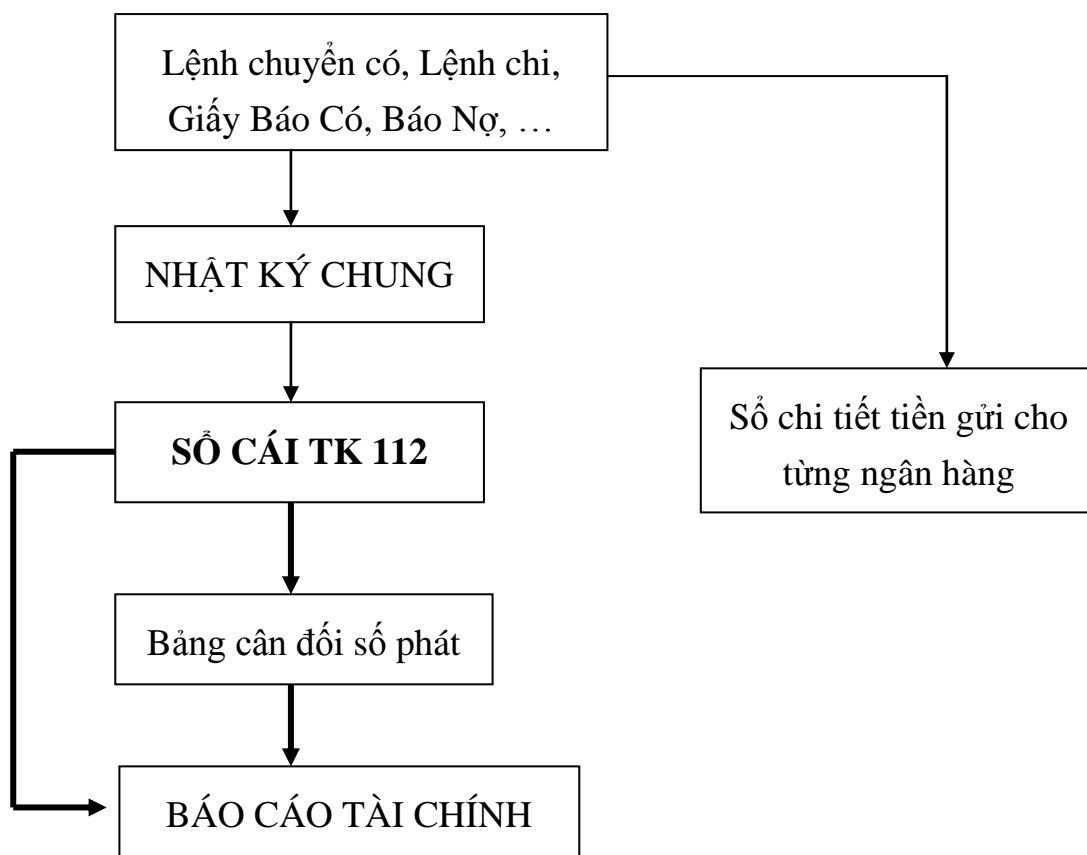
Trong hình thức kế toán Nhật ký chung mà Công ty đang áp dụng thì kế toán tiền gửi ngân hàng gồm các sổ kế toán sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 112
- Sổ chi tiết tài khoản 112

2.3.3. Quy trình kế toán TGNH tại công ty CPTM DV VT XMHP

❖ Quy trình kế toán

Sơ đồ 2.5 : Quy trình kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty



Ghi chú:

Ghi hằng ngày —————→

Ghi cuối tháng —————→

Quan hệ kiểm tra đối chiếu ←.....→

Khi phát sinh một nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi ngân hàng, Ngân hàng gửi các chứng từ đến DN để thông báo về số dư tài khoản đầu ngày, số phát sinh, số dư cuối ngày hôm trước, kế toán TGNH tiến hành định khoản và vào sổ chi tiết tiền gửi Ngân hàng. Đồng thời hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ đó để phản ánh vào Nhật ký chung, từ Nhật ký chung chuyển số liệu vào sổ cái TK 112, sau đó cộng số liệu trên cái để lập bảng cân đối phát sinh.

Khi nhận được chứng từ do ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa các số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở các chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì

đơn vị phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng, trên giấy báo nợ, giấy báo có hoặc bảng sao kê. Số chênh lệch ghi vào bên NỢ TK 1388 “Phải thu khác” (Nếu số liệu kế toán lớn hơn số liệu của ngân hàng), Hoặc ghi vào bên CÓ của TK 3388 “Phải trả, Phải nộp khác” (Nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của ngân hàng). Sang tháng sau tiếp tục kiểm tra đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

❖ Khảo sát số liệu tháng 12 năm 2011

Ngày 1/12 công ty cổ phần bê tông Việt Úc trả tiền mua xi măng , số tiền là: 171.040.000 (đồng)

- Căn cứ vào Lệnh chuyển có của Ngân hàng Công thương Hồng bàng – Hải Phòng (Biểu 2.1) và sao kê chi tiết (Biểu 2.2). Kế toán Định khoản nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Nợ TK 1121: 171.040.000

Có TK 1311: 171.040.000

Biểu 2.1

THANH TOÁN ĐIỆN TỬ LIÊN NGÂN HÀNG		
LỆNH CHUYỂN CỐ		
Mã KS : TTLD0101	Số bút toán: 00000092	
Loại giao dịch: Lệnh chuyển có giá trị thấp	Thời điểm TTXL:	
Số giao dịch: 10000932	Ngày,giờ nhận: 01/12/2011	
Ngân hàng gửi: NHTMCP Quốc tế HSC Ha Noi	14:41:02	
Ngân hàng nhận: NHTMCP Công thương CN Hồng Bàng	Mã NH : 01314001 TK nợ	
	Mã NH : 31201002 TK có	
Người phát lệnh: Cty CP Be tong Viet Uc		
Địa chỉ/ Số CMND:		
Tài khoản: 012704060018866	Tại NH: 01314001 – NHTMCP Quoc te HSC Ha noi	
Người nhận lệnh: Cty CPTM DV VT xi mang HP		
Địa chỉ/Số CMND: NH cong thuong Hong Bang- HP		
Tài khoản: 102010000211123	Tại NH: 31201002 – NHTMCP Cong thuong Hong bang	
Mã số thuế:		
Chương- Khoản- Tiểu mục :		
Nội dung: Cty CP bê tông Việt Uc thanh toán tiền hàng		
Số tiền bằng số : 171.040.000		
Số tiền bằng chữ: <i>Một trăm bảy mươi một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng.</i>		
KẾ TOÁN	KIỂM SOÁT	CHỦ TÀI KHOẢN
<i>(đã ký)</i>	<i>(đã đóng dấu)</i>	<i>(đã ký)</i>

Biểu 2.2

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Sao kê tài khoản chi tiết Stament of Account Từ ngày <i>From date</i> 01/12/2011 Đến ngày <i>To date</i> 1/12/2011 Trang <i>Page</i> Số tài khoản <i>Account No</i> : 102010000211123 Tiền tệ <i>Currency</i> VND Tên tài khoản <i>Account Name</i> : Ngày phát sinh trước <i>PrevicusPeriod</i> CTY CP TMAI- DVU-VTAI XI Số dư đầu kỳ <i>Beginning Balance</i> : Số dư cuối kỳ <i>Ending Balance</i> 99.283.350 270.323.350				
Ngày phát sinh Transaction Date	Số chứng từ Document No	Nội dung giao dịch Description	Doanh số phát sinh TransactedAmount	
			Nợ Debit	Có Credit
01/12/2011	1	GHI CO KHAC VAO CA/SA ***CONG PHAT SINH***		171.040.000 171.040.000
Giao dịch viên Teller		Kiểm soát viên Supervisor		

Ngày 4/12 nhận được lãi tiền gửi 1tháng từ khoản tiền tiết kiệm 750 triệu theo giấy báo có của ngân hàng Công thương HB-HP, số tiền: 8.750.000(Đồng)

- Căn cứ vào Phiếu báo lãi của Ngân hàng Công thương Hồng bàng – HP (Biểu2.3) và sao kê chi tiết (Biểu 2.4). Kế toán định khoản nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Nợ TK 1121: 8.750.000

Có TK 515: 8.750.000

Biểu 2.3

Vietin bank		CN HONG BANG- NH TMCP CONG THUONG VN	
		Chi nhánh: 00168	
PHIẾU BÁO LÃI TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN			
Ngân hàng chúng tôi xin thông báo Lãi tiền gửi có kỳ hạn của quý khách từ ngày 04/11/2011 đến ngày 04/12/2011.			
Tên khách hàng: CTY CP TMAI- DVU- VTAI XI MANG HP			
Số tài khoản: 113010000814861		Loại tiền tệ: VND	
Kỳ hạn: 1 tháng	Lãi suất: 14%/năm		
Số dư gốc: 750.000.000	Lãi được hưởng: 8.750.000		
Tiền lãi bằng chữ: “Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn”./			
Ngày 04 tháng 12 năm 2011			
Giao dịch viên		Kiểm soát viên	
(Đã ký)		(Đã đóng dấu)	

Biểu 2.4

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam				
Sao kê tài khoản chi tiết				
Stament of Account				
Từ ngày <i>From date</i> 04/12/2011		Đến ngày <i>To date</i> 04/12/2011		Trang <i>Page</i>
Số tài khoản <i>Account No</i> : 102010000211123		Tiền tệ <i>Currency</i> VND		
Tên tài khoản <i>Account Name</i> :		Ngày phát sinh trước		
CTY CP TMAI- DVU-VTAI XI		<i>PrevicusPeriod</i>		
Số dư đầu kỳ <i>Beginning Balance</i> :		Số dư cuối kỳ <i>Ending Balance</i>		
456.623.350		465.373.350		
Ngày phát sinh <i>Transaction Date</i>	Số chứng từ <i>Document No</i>	Nội dung giao dịch <i>Description</i>	Doanh số phát sinh <i>TransactedAmount</i>	
			Nợ Debit	Có Credit
04/12/2011	155	CD INTEREST		8.750.000
		CONG PHAT SINH		8.750.000
Giao dịch viên Teller		Kiểm soát viên Supervisor		

Ngày 9/12 thanh toán tiền mua lớp ô tô từ ngày 08/11/2011 cho Công ty cổ phần thương mại Dũng Sơn số tiền : 24.125.200đ.

- Căn cứ vào Giấy yêu cầu (Biểu 2.5) của phòng kế toán đã được ký duyệt và các chứng từ có liên quan, Kế toán lập lệnh chi số 13 (Biểu 2.6). Nhận được sao kê chi tiết của ngân hàng (Biểu 2.8) Kế toán Định khoản nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi Ngân hàng tiến hành ghi sổ kế toán liên quan

Nợ TK 3311: 24.125.200

Có TK 1121: 24.125.200

Biểu 2.5

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM			
CTY CP –THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc			
VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG		= = = = & = = = =			
GIẤY YÊU CẦU					
Phòng kế toán tài chính chi tiền					
Căn cứ theo :		Hóa đơn 0000324	Ký ngày: 08 tháng 11 năm 2011		
Đề nghị Giám đốc duyệt chi số tiền :		24.125.200 đ			
(Bằng chữ):					
<i>Hai mươi bốn triệu một trăm hai mươi năm nghìn hai trăm đồng chẵn./.</i>					
Đề trả cho :		Công ty cổ phần thương mại Dũng Sơn			
Số tài khoản:		102010000463375	Tại : NH Công thương CN Ngô Quyền –HP		
NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI					
TT	Nội Dung Chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Mua lớp ô tô- Hóa đơn GTGT 0000324 - 08/11/11				24.125.200
	CỘNG				24.125.200
<i>Hải phòng, ngày 21 tháng 11 năm 2011</i>					
GIÁM ĐỐC DUYỆT		TP.KẾ TOÁN		ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ	
<i>(đã ký)</i>		<i>(đã ký)</i>		<i>(đã ký)</i>	

Biểu 2.6

LỆNH CHI			
Lập ngày: 09 /12 /2012		Số: 13	
Tên đơn vị trả tiền: Công ty CP Thương mại – Dịch vụ - vận tải XMHP			
Tài khoản nợ : 102010000211123		Số tiền bằng số: 24.125.200đ	
Tại ngân hàng: TMCP Công thương CN Hồng bàng - Hải phòng			
Số tiền bằng chữ: <i>Hai mươi bốn triệu, một trăm hai mươi năm nghìn, hai trăm đồng chẵn./.</i>			
Tên đơn vị nhận tiền: Công ty cổ phần thương mại Dũng Sơn			
Tài khoản có : 102010000463375			
Tại ngân hàng: TMCP Công thương CN Ngô Quyền – Hải Phòng			
Nội dung : Thanh toán tiền mua lớp ô tô HD 0000324 ngày 08/11/2011			
Ngày hạch toán 09 / 12 / 2011			
		Đơn vị trả tiền	
Giao dịch viên	Kiểm soát viên	Kế toán	Chủ tài khoản
<i>(đã ký)</i>	<i>(đã ký, đóng dấu)</i>	<i>(đã ký)</i>	<i>(đã ký, đóng dấu)</i>

Ngày 09/ 12/2011 Rút tiền từ TK ngân hàng Công thương CN Hồng bàng- HP để gửi tiết kiệm 1 tuần.

- Theo yêu cầu của Giám đốc Kế toán lập Lệnh chi số 14(Biểu 2.7) .). Nhận được sao kê chi tiết của ngân hàng (Biểu 2.8) Kế toán Định khoản nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi Ngân hàng tiền hành ghi sổ kế toán liên

Nợ TK 1281: 800.000.000

Có TK 1121: 800.000.000

Biểu 2.7

LỆNH CHI

Lập ngày: 09 / 12 / 2012

Số: 14

Tên đơn vị trả tiền: Công ty CP Thương mại – Dịch vụ - vận tải XMHP

Tài khoản nợ : 102010000211123

Tại ngân hàng: TMCP Công thương CN Hồng bàng - Hải phòng

Số tiền bằng số:

800.000.000đ

Số tiền bằng chữ: *Tám trăm triệu đồng chẵn./.*

Tên đơn vị nhận tiền: Ngân hàng Công thương CN Hồng bàng - HP

Tài khoản có :

Tại ngân hàng: TMCP Công thương Hồng Bàng- Hải Phòng

Nội dung : Gửi tiết kiệm 1 tuần

Ngày hạch toán 09/ 12 / 2011

Đơn vị trả tiền

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Kế toán

Chủ tài khoản

(đã ký)

(đã ký, đóng dấu)

(đã ký)

(đã ký, đóng dấu)

Biểu 2.8

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Sao kê tài khoản chi tiết Stament of Account Từ ngày <i>From date</i> 09/12/2011 Đến ngày <i>To date</i> 9/12/2011 Trang <i>Page</i> Số tài khoản <i>Account No</i> : 102010000211123 Tiền tệ <i>Currency</i> VND Tên tài khoản <i>Account Name</i> : Ngày phát sinh trước <i>PrevicusPeriod</i> CTY CP TMAI- DVU-VTAI XI Số dư đầu kỳ <i>Beginning Balance</i> : Số dư cuối kỳ <i>Ending Balance</i> 854.538.350 30.402.150				
Ngày phát sinh <i>Transaction Date</i>	Số chứng từ <i>Document No</i>	Nội dung giao dịch <i>Description</i>	Doanh số phát sinh <i>TransactedAmount</i>	
			Nợ Debit	Có Credit
09/12/2011	23	CA TRANSFER DR	24.125.200	
		CA TRANSFER DR	11.000	
09/12/2011	23	CA TRANSFER DR	800.000.000	
		CONG PHAT SINH	824.136.200	
Giao dịch viên		Kiểm soát viên		
Teller		Supervisor		

Ngày 26 /12 chuyển trả tiền xi măng cho CN cty XMHP- TT tiêu thụ xi măng, số tiền 839.375.000 (Đồng)

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số **0001352** (Biểu 2.9) và các chứng từ có liên quan, Kế toán lập lệnh chi số 16 (Biểu 2.10).

- Nhận được lệnh chi thay chi GBN và Sao kê chi tiết từ Ngân hàng (Biểu 2.11) Kế toán định khoản nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi Ngân hàng tiên hành ghi các số kế toán .

Nợ TK 3311: 839.375.000

Có TK 1121: 839.375.000

Biểu 2.9

HÓA ĐƠN						Mẫu số: 01GTKT3/001
GIÁ TRỊ GIA TĂNG						Ký hiệu: AB/11P
<i>Liên 2: Giao người mua</i>						Số: 0001352
<i>Ngày 25 tháng 12 năm 2011</i>						
Đơn vị bán hàng :						
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XI MĂNG VICEM						
HẢI PHÒNG- TRUNG TÂM TIÊU THỤ SẢN PHẨM						
Địa chỉ: Số 195-Bạch Đằng-Thượng Lý-Hồng Bàng-Hải Phòng						
Mã Số Thuế : 0 2 0 0 1 5 5 2 1 9 – 0 0 6						
Điện thoại :						
Họ tên người mua hàng :						
Tên Đơn vị: <i>Công ty CPTM Dịch vụ Vận tải xi măng Hải Phòng</i>						
Địa chỉ: : 290- Đường Hà Nội- Hồng Bàng - HP						
MST: 02 00577563						
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản				Số tài khoản: 02010000211123		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6= 4x5	
1	Xi măng PCB 30 HP (P x 151 x 152/12)	Tấn	671,50	1.136.364	763.068.426	
Cộng tiền hàng:					763.068.426	
huế suất GTGT 10%		Tiền thuế GTGT:			76.306.574	
Tổng cộng tiền thanh toán:					839.375.000	
Số viết bằng chữ : “ <i>Tám trăm ba mươi chín triệu ba trăm bảy mươi năm nghìn đồng</i> ”/.						
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>		

Biểu 2.10

LỆNH CHI

Lập ngày: 25 / 12 / 2012

Số: 16

Tên đơn vị trả tiền: Công ty CP Thương mại – Dịch vụ - vận tải XMHP

Tài khoản nợ : 102010000211123

Số tiền bằng số:

Tại ngân hàng: TMCP Công thương CN Hồng bàng - Hải phòng

839.375.000đ

Số tiền bằng chữ: *Tám trăm ba mươi chín triệu ba trăm bảy mươi năm nghìn đồng chẵn*”/.

Tên đơn vị nhận tiền: CN CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XM VICEM HP -

TrT. TIÊU THỤ SẢN PHẨM

Tài khoản có : 102010000821432

Tại ngân hàng: TMCP Công thương CN Hồng bàng - Hải phòng

Nội dung : Thanh toán tiền mua xi măng

Ngày hạch toán 26/ 12 / 2011

Đơn vị trả tiền

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Kế toán

Chủ tài khoản

(đã ký)

(đã ký, đóng dấu)

(đã ký)

(đã ký, đóng dấu)

Biểu 2.11

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam				
Sao kê tài khoản chi tiết				
Stament of Account				
Từ ngày <i>From date</i> 26/12/2011		Đến ngày <i>To date</i> 26/12/2011		Trang <i>Page</i>
Số tài khoản <i>Account No</i> : 102010000211123			Tiền tệ <i>Currency</i> VND	
Tên tài khoản <i>Account Name</i> : CTY CP TMAI- DVU-VTAI XI			Ngày phát sinh trước	
Số dư đầu kỳ <i>Beginning Balance</i> :			<i>PrevicusPeriod</i>	
898.533.350			Số dư cuối kỳ <i>Ending</i>	
			<i>Balance</i>	
			59.158.350	
Ngày phát sinh <i>Transaction</i> <i>Date</i>	Số chứng từ <i>Document</i> <i>No</i>	Nội dung giao dịch <i>Description</i>	Doanh số phát sinh <i>TransactedAmount</i>	
			Nợ Debit	Có Credit
25/12/2011	67	CA TRANSFER DR		839.375.000
		CONG PHAT SINH		839.375.000
Giao dịch viên		Kiểm soát viên		
Teller		Supervisor		

⇒ Hàng ngày, từ các chứng từ trên kế toán tiền hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 1.13). Từ Nhật ký chung chuyển số liệu vào sổ Cái 112 (Biểu số 2.12) và từ phiếu thu TGNH kế toán ghi vào sổ tiền gửi Ngân hàng (Biểu số 2.13).

- Cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm cộng số liệu trên sổ cái kế toán lập bảng cân đối Số phát sinh. Sau khi đối chiếu kiểm tra, khớp đúng số liệu trên sổ cái tài khoản 112 và bảng tổng hợp chi tiết tài khoản 112 sẽ được dùng để lập BCTC.

Biểu 1.13

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP TM DV VT XI MĂNG HẢI PHÒNG

Mẫu số S03a- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số phát sinh trong kỳ			
				
BC 01	01/12/11	Thu tiền bán xi măng (Cty CP Bê tông Việt Úc)	1121	171.040.000	
			1312		171.040.000
PC 03	02/12/11	Nợ tiền vào tài khoản ngân hàng	1121	200.000.000	
			111		200.000.000
				
BC 03	04/12/11	Lãi tiền gửi 1 tháng (khoản 750triệu- NH Công thương Hồng Bàng)	1121	8.750.000	
			515		8.750.000
				
LC 13	09/12/11	Thanh toán tiền mua lớp ô tô(Cty DUNG SON)	3311	24.125.200	
			1121		24.125.200
LC 14	09/12/11	Rút tiền NH gửi Tiết kiệm 1 tuần	1281	800.000.000	
			1121		800.000.000
				
BC 44	14/12/11	Thu tiền bán xi măng (XN XD 30/4- Cty TNHH MTV Thanh Niên)	1121	43.000.000	
			1311		43.000.000
				
HD 1352	26/12/11	Thanh toán tiền mua xi măng (Tr.T Tiêu thụ XM- CTY XMHP)	3311	839.375.000	
			1121		839.375.000
				
HD 9835	31/12/11	Thanh toán tiền mua ắc quy ngày 16/12 (Cty CP ACQUY Tia sáng- KHAQ)	3311	5.742.000	
			1121		5.742.000
				
		Tổng cộng		43.323.082.966	43.323.082.966

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

GIÁM ĐỐC

(ký, họ tên)

Biểu 2.12

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP TM DV VT XI MĂNG HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên Tài Khoản: Tiền gửi ngân hàng
Số hiệu tài khoản: 112
Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		<u>14.987.997</u>	
		Số phát sinh			
				
BC 01	01/12/11	Thu tiền bán xi măng cho Cty CP Bê tông Việt Úc	1311	171.040.000	
PC 03	02/12/11	Nộp tiền vào TK 1002010000211123	1111	200.000.000	
				
BC 03	04/12/11	Lãi tiền gửi 1 tháng gửi NH Công Thương HB-HP khoản 750 triệu	515	8.750.000	
				
LC 13	09/12/11	Thanh toán tiền mua lớp ô tô cho Cty CP TM Dũng Sơn HD 0000324 ngày 8/11/2011	3311		24.125.200
LC 14	09/12/11	Rút tiền NH gửi tiết kiệm một tuần NH Công thương HB-HP	1281		800.000.000
				
BC 15	14/12/11	Thu tiền cước vận chuyển phụ gia của Cty CPTM Đà Nẵng	1311	23.255.355	
				
LC 21	26/12/11	Thanh toán tiền mua xi măng cho Tr.T Tiêu thụ XM- CTY XMHP	3311		839.375.000
				
UN 31	31/12/11	Phí chuyển tiền trả NH Công thương HB	642		10.000
		Tổng Số phát sinh		<u>4.153.748.879</u>	<u>3.873.446.124</u>
		Số dư cuối kỳ		<u>295.290.752</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Biểu 2.13

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP TM DV VT XI MĂNG HẢI PHÒNG

Mẫu số S07a- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Số hiệu tài khoản : 1121
Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011
Ngân hàng : Công thương Hồng Bàng- HP

Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền		
Số	NT			Thu	Chi	Tồn
		Số dư đầu kỳ				<u>10.273.445</u>
		số phát sinh				
BC 01	01/12/11	Thu tiền bán xi măng cho Cty CP Bê tông Việt Úc	1311	171.040.000	.	181.313.445
PC 03	01/12/11	Nộp tiền vào TK 102010000211123	111	200.000.000		381.313.445
					
BC 03	04/12/11	Lãi tiền gửi 1 tháng khoản 750 triệu	515	8.750.000		224.987.489
					
LC 13	09/12/11	LC 23 - TT tiền mua lốp ô tô cho Cty CPTM Dũng sơn HD GTGT 0000432 ngày 08/11/2011	3311		24.125.200	953.362.289
LC 14	09/12/11	Rút tiền NH gửi tiết kiệm một tuần	1281		800.000.000	153.362.289
					
BC 15	14/12/11	Thu tiền cước vận chuyển phụ gia của Cty CPTM Đà Nẵng	1311	23.255.355		295.345.752
					
LC 21	26/12/11	Thanh toán tiền mua xi măng cho Tr.T Tiêu thụ XMHP	3311		839.375.000	98.045.300
					
UN 31	31/12/12	Phí chuyển tiền sang ngân hàng Techcombank	642		10.000	218.265.752
		Tổng cộng		4.153.748.879	3.873.446.124	
		Số dư nợ cuối kỳ				<u>290.576.200</u>

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Người ghi sổ
(ký, họ tên)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền tại Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng

Cùng với nhịp độ phát triển của đất nước, vận động trong cơ chế thị trường, qua nhiều năm hoạt động và phát triển, đã không ngừng vươn lên tự khẳng định mình là một doanh nghiệp kinh doanh hoạt động có hiệu quả. Để đạt được những thành quả như những năm qua là nhờ công ty có định hướng đúng đắn trong chiến lược phát triển kinh doanh, coi thị trường là mục tiêu vươn tới, không ngừng thỏa mãn khách hàng, từng bước nâng cao trình độ đội ngũ lãnh đạo và quản lý, đồng thời quán triệt trong tổ chức quản lý tài chính. Đặc biệt là trong công tác hạch toán kế toán Công ty vận dụng một cách triệt để và không ngừng hoàn thiện. Việc đánh giá tình hình thực hiện hạch toán kế toán vốn bằng tiền và các nghiệp vụ thanh toán trong công ty là hết sức cần thiết, nó còn là một trong những căn cứ làm đòn bẩy cho đội ngũ kế toán Công ty thể hiện trình độ và năng lực chuyên môn của mình.

Trong nền kinh tế thị trường Công ty tham gia và hoạt động sản xuất kinh doanh với tư cách là một chủ thể kinh tế, được pháp luật đảm bảo, luôn lấy tiêu chí lợi nhuận làm mục tiêu hàng đầu, nên sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp khác là không thể tránh khỏi. Đứng trước những thách thức đó bên cạnh việc nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, Công ty còn luôn phải tìm các biện pháp hạch toán vốn bằng tiền, nhằm đạt hiệu quả cao nhất thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty.

Sau một thời gian thực tập tại Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và vận tải xi măng Hải Phòng, vận dụng lý thuyết đã học vào thực tế em rút ra một số nhận xét về tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền của công ty như sau:

3.1.1. Ưu điểm

- Về tổ chức bộ máy kế toán: Công ty đã xây dựng, tổ chức quản lý vốn

bằng tiền từ việc lập chứng từ tới việc xử lý các chứng từ liên quan rất nhanh và chính xác, rất thuận tiện cho công việc thu – chi tiền mặt tại quỹ. Điều đó thể hiện tinh thần làm việc có trách nhiệm và nghiệp vụ chuyên môn cao của CBNV phòng kế toán tài chính công ty, đồng thời đó cũng là sự quản lý có hiệu quả của Lãnh đạo phòng kế toán tài chính trong công tác kế toán nói chung và trong công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng.

- *Về hình thức kế toán*: Hình thức kế toán áp dụng tại công ty là hình thức kế toán Nhật ký chung. Đây là hình thức kế toán đơn giản, gọn nhẹ, dễ theo dõi. Dựa trên đặc điểm riêng của công ty, có quy mô vừa, sản xuất kinh doanh tập trung cũng như đặc điểm về quản lý, năng lực, trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán nên việc áp dụng hình thức Nhật ký chung là hoàn toàn thích hợp. Sổ kế toán của công ty được lập hàng tháng khá đầy đủ, được phản ánh theo trình tự thời gian và theo nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Cách thức ghi chép và phương pháp hạch toán khoa học, chính xác, phù hợp với yêu cầu, nguyên tắc của chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- *Về công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền*: có sự phân chia nhiệm vụ, trách nhiệm giữa kế toán tiền mặt và kế toán tiền gửi ngân hàng nhằm giảm bớt áp lực công việc liên quan tới tiền. Công tác kế toán Vốn bằng tiền của Công ty được tiến hành khá nề nếp theo một quy trình luân chuyển chứng từ chặt chẽ, các số liệu trên sổ sách có tính đối chiếu cao, chấp hành các quy định quản lý và lưu thông tiền mặt hiện hành của Nhà nước.

Mọi biến động về Vốn bằng tiền đều làm đầy đủ thủ tục, phải có chứng từ gốc hợp lệ.

Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền đúng mục đích, đúng chế độ.

+ *Về kế toán tiền mặt tại quỹ*: Công ty thực hiện theo chế độ kế toán hiện hành về nguyên tắc quản lý tiền mặt: mọi khoản thu, chi, bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ thực hiện. Tất cả các khoản thu, chi đều có chứng từ hợp lệ và chữ ký của kế trưởng, thủ trưởng đơn vị, thủ quỹ và kế toán tiền mặt độc lập với nhau, chỉ thực hiện đối chiếu tất quả.

+ *Về kế toán tiền gửi ngân hàng*: Kế toán liên hệ chặt chẽ và có quan hệ

tốt với phía ngân hàng. Tập hợp, theo dõi đầy đủ các chứng từ và đối chiếu với ngân hàng. Tiền gửi ngân hàng được hạch toán chi tiết trên tài khoản tiền gửi Việt Nam Đồng: TK 1121

+ Kế toán vốn bằng tiền còn được sự theo dõi, kiểm tra, giám sát chặt chẽ của kế toán trưởng.

- *Về hệ thống sổ*: Công ty đã thiết lập hệ thống sổ sách đầy đủ bao gồm cả các sổ tổng hợp và sổ chi tiết. Việc tiến hành theo dõi, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên các sổ này cũng diễn ra đầy đủ, kịp thời, chính xác. Các số liệu trên sổ sách có tính đối chiếu cao, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu về vốn cho sản xuất và kinh doanh.

- *Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền* hoàn toàn tuân thủ theo quy định và đã được chi tiết tối đa cho từng loại tài khoản. Sự chi tiết đó đã cho phép Ban lãnh đạo nắm bắt được những số liệu cụ thể và chi tiết của vốn bằng tiền, từ đó có thể đưa ra các quyết định một cách chính xác và hợp lý.

- *Việc giữ gìn và bảo quản tiền mặt trong két*: được đảm bảo tính an toàn cao.

3.1.2. Nhược điểm.

- *Không sử dụng bảng kê chi tiền*: do đó không liệt kê được các khoản tiền đã chi nên kế toán của công ty nhiều khi chưa hạch toán kịp thời tình hình biến động tăng giảm vốn bằng tiền từ đó dẫn đến thiếu sót không chính xác. Mặc dù cố gắng rất lớn trong việc giảm bớt khối lượng tính toán và hệ thống sổ sách nhưng việc ghi chép vẫn thực hiện thủ công, máy tính chỉ giúp phần tính toán nên khối lượng công việc mà kế toán phải làm là rất vất vả và ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

- *Hạch toán tiền đang chuyển*: do phạm vi của công ty đang ngày một mở rộng nên đôi khi thủ tục thanh toán đã được thực hiện nhưng công ty chưa nhận được giấy báo có, giấy báo nợ hay bản sao kê của ngân hàng mà hiện nay công ty lại không sử dụng TK 113 – Tiền đang chuyển để theo dõi. Điều này không phản ánh đúng trách nhiệm quản lý vốn.

- *Kế toán không tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ*: lượng tiền mặt hàng ngày của công ty giao dịch là rất lớn, việc kiểm tra thường xuyên quỹ tiền mặt sẽ hạn

chế được những sai sót nhằm lẫn hoặc các hành vi gian lận trong quản lý quỹ tiền mặt nhưng kế toán không tiến hành kiểm kê định kỳ. Do đó không xác định được số chênh lệch giữa tiền tồn quỹ thực tế với số quỹ để từ đó tăng cường quản lý và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

- *Về hình thức thanh toán*: Việc thanh toán thông qua hệ thống ngân hàng chưa được tận dụng một cách triệt để, đồng thời Công ty vẫn sử dụng nhiều tiền mặt trong thanh toán, việc sử dụng nhiều tiền mặt trong thanh toán sẽ làm cho Công ty gặp nhiều rủi ro có thể xảy ra như: tiền giả, mất mát trong quá trình bảo quản, không hiệu quả trong quá trình thanh toán...

- *Về nguồn nhân lực*: Vì công tác kế toán giữ một vị trí quan trọng trong bộ máy hoạt động của công ty, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh, do vậy khối lượng công việc là rất lớn và thường xuyên. Nhưng hiện tại số nhân viên phòng kế toán còn quá ít, số lượng công việc mà mỗi người đảm nhiệm là quá nhiều, có thể dẫn đến nhầm lẫn hoặc để sót thông tin nên chưa thể phát huy được hết vai trò và tầm quan trọng của kế toán.

- *Công ty chưa ứng dụng tin học vào công tác kế toán*: hiện nay công ty chưa có phần mềm riêng biệt để phục vụ công tác kế toán nên doanh nghiệp vẫn chưa phát huy hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được thời gian lao động của nhân viên kế toán.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP TM DV VT XMHP

- Trong bối cảnh nền kinh tế với nhiều cạnh tranh và quy luật sinh tồn khốc liệt như hiện nay, mỗi Doanh nghiệp phải thực sự đương đầu với nhiều khó khăn và thách thức để không chỉ duy trì mà còn phải phát triển và vươn xa hơn nữa. Chính vì vậy, tất cả các công cụ quản lý đều được các nhà quản trị vận dụng một cách triệt để, trong số đó không thể không kể đến công cụ hạch toán kế toán. Nhờ có hạch toán kế toán mà các nhà quản trị mới có được những thông tin, số liệu chính xác nhất về tình hình, thực trạng hoạt động của chính bản thân Doanh nghiệp mình, từ

đó đưa ra những quyết sách, kế hoạch mang tính chiến lược trước mắt và cả lâu dài để phát triển kinh doanh của Doanh nghiệp.

- Tuy nền kinh tế thị trường còn non trẻ nhưng hệ thống văn bản pháp luật về kế toán tài chính vẫn đang không ngừng được hoàn thiện mỗi ngày, Việt Nam đang từng bước khẳng định với thế giới về tiềm năng phát triển của mình mà bằng chứng là tiềm năng phát triển của mỗi doanh nghiệp. Chính vì vậy, hoàn thiện công tác hạch toán kế toán ở mỗi Doanh nghiệp không chỉ cần thiết đối với bản thân doanh nghiệp đó mà còn rất quan trọng đối với Nhà nước trong việc kiểm tra tình hình chấp hành các chính sách, chế độ của Nhà nước, thông qua đó Nhà nước điều chỉnh các chính sách, chế độ cho phù hợp với điều kiện thực tế của các doanh nghiệp.

- Hoàn thiện kế toán vốn bằng tiền nghĩa là phải đảm bảo hoàn thiện từ khâu quản lý tiền tại quỹ khâu hạch toán tình hình thu – chi, xuất – nhập quỹ rành mạch, chính xác, hợp lý không sai với chế độ hiện hành, số liệu cung cấp phải trung thực, không vi phạm các nguyên tắc kế toán và có thể làm cơ sở để đánh giá được thực trạng hoạt động của một đơn vị và đưa ra những quyết định liên quan không sai lầm. Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa là ép buộc kế toán Doanh nghiệp phải theo một khuôn khổ cứng nhắc, không linh hoạt mà chỉ cần Doanh nghiệp vận dụng đúng chế độ trong hoàn cảnh riêng của Doanh nghiệp sao cho hợp lý và hiệu quả nhất.

- Nhu cầu của các doanh nghiệp với thông tin của kế toán quản trị : Hệ thống kế toán Việt Nam hiện nay đã và đang trong quá trình hoàn thiện nhằm phù hợp với sự phát triển của kế toán quốc tế và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam. Tuy nhiên, kế toán Việt Nam hiện nay xu hướng chủ yếu thiên về kế toán tài chính. Mặt khác, trong mỗi doanh nghiệp, kế toán quản trị còn là một khái niệm mới, mặc dù trong đó việc ứng dụng các nội dung của kế toán quản trị đã có và bước đầu mang lại những lợi ích nhất định cho một quyết định đúng đắn. Các thông tin kế toán quản trị bao gồm các thông tin phản ánh quá khứ, dự báo tương lai, là cơ sở để các nhà quản trị nhìn nhận, đánh giá thực trạng kinh doanh của đơn vị mình và định hướng sản xuất kinh doanh trong thời gian tới .

Với truyền thống xây dựng và phát triển, cùng với xu thế hội nhập kinh tế quốc

tế ngày càng sâu rộng nên hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và vận tải Xi măng Hải phòng có rất nhiều thuận lợi. Tuy nhiên là một doanh nghiệp Nhà nước mới bước vào hoạt động kinh doanh theo mô hình Công ty cổ phần, với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt trên thị trường nên hoạt động kinh doanh của Công ty gặp không ít khó khăn. Do đó, hoàn thiện công tác tổ chức kế toán vốn bằng là một tất yếu và cần thiết trong điều kiện của nền kinh tế Việt Nam hiện nay nói chung và tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng nói riêng.

3.2.2. Các yêu cầu và nguyên tắc cơ bản nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền

Hoàn thiện công tác kế toán là hoàn thiện mô hình kế toán, phương pháp hạch toán kế toán, nâng cao trình độ của kế toán viên, đảm bảo độ chính xác kịp thời của các thông tin kế toán.

❖ Các yêu cầu cơ bản:

Đảm bảo sự thống nhất, tuân thủ cơ chế tài chính và chế độ kế toán của Nhà nước Việt Nam trong điều kiện hiện nay.

- Thống nhất trong việc hoàn thiện là một yêu cầu cơ bản nhằm tạo ra sự thống nhất về chế độ kế toán giữa ngành kinh doanh dịch vụ với chế độ kế toán của Nhà nước đã ban hành.

- Sự vận dụng một cách linh hoạt chế độ kế toán doanh nghiệp của Nhà nước vào ngành kinh doanh dịch vụ là một vấn đề cấp thiết. Song vận dụng như thế nào để một mặt vừa phải tuân thủ những chính sách chế độ, thể chế tài chính kế toán của Nhà nước nhưng mặt khác lại phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm kinh doanh của ngành, của doanh nghiệp mới là một vấn đề phức tạp và khó khăn. Yêu cầu thống nhất ở đây là phải có sự thống nhất từ công tác hạch toán ban đầu, cách vận dụng tài khoản, tổ chức luân chuyển chứng từ, phương pháp kế toán, mở sổ sách kế toán tổng hợp và chi tiết đều phải nằm trong khuôn khổ thống nhất của Luật kế toán, phù hợp với đặc thù hoạt động kinh doanh dịch vụ trong hành lang pháp lý cho phép. Giúp cho người sử dụng thông tin kế toán có thể nhìn nhận và đánh giá tình hình thực tế và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình được sát

đúng.

Cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác.

- Thông tin kế toán kịp thời giúp cho các nhà quản lý, các đối tượng sử dụng thông tin kế toán có được thông tin kịp thời để đưa ra các quyết định kinh tế thích hợp và đúng lúc, có hiệu quả.

- Tính đầy đủ đảm bảo cho các nhà quản lý, các đối tượng sử dụng thông tin kế toán có thể nhận biết một cách toàn diện, bao quát các hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, trên cơ sở đó có biện pháp điều hành, quản lý đơn vị một cách toàn diện, có trọng điểm, đảm bảo tính hiệu quả, tính chính xác giúp cho người sử dụng thông tin nhận biết một cách đúng đắn, sát thực đối với thực trạng hoạt động của đơn vị, từ đó có những quyết định đúng, sát với tình hình thực tế của doanh nghiệp.

Yêu cầu tiết kiệm và nâng cao hiệu quả

Người ta không thể hoàn thiện một phương án nào đó mà không tính đến khả thi và hiệu quả của nó. Bởi vậy, việc hoàn thiện các nội dung của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh cũng hướng tới việc đảm bảo công tác kế toán có hiệu suất cao, dễ làm, dễ hiểu, dễ kiểm tra, góp phần cùng với các bộ phận khác trong doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ Các nguyên tắc cơ bản:

- Việc hoàn thiện phải xuất phát từ đặc trưng hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ. Mục đích kinh doanh cũng là lợi nhuận cao nhất, do đó các cấp quản lý cần phải tổ chức một guồng máy hạch toán hữu hiệu, khách quan không những mang lại lợi ích cho chính doanh nghiệp mà còn cho cả sự tăng trưởng kinh tế của đất nước.

- Hoàn thiện công tác kế toán phải căn cứ vào mô hình chung trong hạch toán: những quy định về ghi chép, luân chuyển chứng từ của bản thân thực thể kinh doanh.

- Hoàn thiện công tác kế toán là đảm bảo nguyên tắc phục vụ, nâng cao chất lượng kinh doanh. Do đó đòi hỏi kế toán phải bám sát và cung cấp thông tin kế toán phải nhạy bén, sát thực phù hợp với xu hướng chung.

- Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp phải đảm bảo phù hợp với khả năng và trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán và những điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật và có thể áp dụng khoa học công nghệ tin học trong kế toán.

3.2.3. Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP TM DV VT XMHP

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng căn cứ vào những tồn tại và khó khăn hiện nay trong công tác tổ chức kế toán của Công ty, căn cứ vào Quy định của Nhà nước và Bộ Tài chính. Đồng thời với sự giúp đỡ nhiệt tình của giáo viên hướng dẫn và Phòng kế toán Công ty, kết hợp với lý luận đã học tại trường. Em xin đề xuất một số ý kiến sau đây hi vọng sẽ góp phần hoàn thiện hơn tổ chức công tác kế toán và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền tại Công ty.

- *Hoàn thiện bảng kê chi tiền*: kế toán vốn bằng tiền nên mở bảng kê chi tiền nhằm mục đích liệt kê các khoản tiền đã chi, để làm căn cứ quyết toán các khoản tiền đã chi và ghi sổ kế toán. Bảng kê chi tiền được mở theo mẫu sau:

Biểu 3.1

Đơn vị:.....	Mẫu số 09 – TT			
Địa chỉ:.....	(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)			
BẢNG KÊ CHI TIỀN				
Ngày ...tháng...năm...				
Họ và tên người chi tiền:				
Bộ phận (Hoặc địa chỉ):				
Chi cho công việc:				
STT	Chứng từ		Nội dung chi tiền	Số tiền
	SH	NT		
			Cộng	
- Số tiền viết bằng chữ:.....				
- Kèm theo.....chứng từ gốc.				
			Ngày...tháng...năm...	
Người ghi sổ	Kế toán trưởng		Giám đốc	
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)	

- Công ty nên hạch toán tiền đang chuyển: hiện nhiệm nay công ty không sử dụng tài khoản 113 – Tiền đang chuyển để hạch toán. Đây là số tiền của doanh nghiệp đang trong quá trình xử lý như chuyển tiền đang gửi vào ngân hàng, chuyển trả cho khách hàng qua đường bưu điện nhưng chưa nhận được giấy báo có, đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bản sao kê của ngân hàng. Thường doanh nghiệp không dùng tài khoản này mà chờ nghiệp vụ chuyển tiền hoàn thành rồi hạch toán vì thường tiền chuyển qua ngân hàng chỉ phải chờ một vài ngày là người thụ hưởng sẽ nhận được tiền. Nhưng nó sẽ ảnh hưởng nếu rơi vào cuối kỳ kế toán hàng tháng hay năm. Trường hợp cuối tháng lên báo cáo tài

chính mà có phát sinh tiền khách hàng đã chuyển. Nếu nghiệp vụ này không sử dụng TK 113 thì số dư công nợ cuối năm trên báo cáo tài chính không chính xác và sẽ gặp khó khăn khi xác nhận số dư công nợ với khách hàng khi có kiểm toán vì vậy công ty nên sử dụng TK 113 để hạch toán đảm bảo được tính chính xác.

- *Về hình thức thanh toán*: hiện nay rất nhiều các doanh nghiệp thực hiện việc thanh toán thông qua ngân hàng đối với những khoản thanh toán cần một lượng tiền mặt lớn. Điều này sẽ thuận tiện và an toàn hơn trong phương thức thanh toán bởi hiện nay hệ thống ngân hàng rất phát triển trên toàn quốc và quốc tế, không chỉ các ngân hàng Nhà nước mà hệ thống các ngân hàng tư nhân cũng ngày càng nhiều với nhiều dịch vụ và tiện ích. Với công nghệ hiện tại và tiên tiến, việc chuyển tiền giữa các ngân hàng sẽ diễn ra nhanh chóng và thuận tiện. Hơn nữa việc thanh toán qua ngân hàng sẽ đảm bảo được an toàn cho quỹ tiền mặt, an toàn cho đồng tiền trong quá trình vận chuyển, tránh xảy ra tình trạng mất mát.

- *Hoàn thiện công tác quản lý quỹ tiền mặt*: kế toán nên tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm có thể là đột xuất khi có nhu cầu hoặc khi bàn giao quỹ để xác định được số chênh lệch (nếu có) giữa tiền tồn quỹ thực tế với sổ quỹ để từ đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch. Khi tiến hành kiểm kê quỹ, phải lập biên bản kiểm kê trong đó thủ quỹ và kế toán tiền mặt hoặc kế toán thanh toán là các thành viên. Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê. Mọi khoản chênh lệch phải báo cáo giám đốc xem xét.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ, ban kiểm kê quỹ phải lập biên bản kiểm kê quỹ thành 2 bản:

- + Một bản lưu ở thủ quỹ
 - + Một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán
- Bản kiểm kê quỹ được lập theo mẫu sau:

Biểu 3.1

Đơn vị:.....	Mẫu số 08a – TT		
Địa chỉ:.....	(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)		
BẢNG KIỂM KÊ QUỸ			
(Dùng cho VNĐ)			
Hôm nay, vàogiờ...ngày...tháng...năm....			
Chúng tôi gồm:			
Ông (bà):.....			
Ông (bà):.....			
Ông (bà):.....			
Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:			
STT	Diễn giải	Số lượng	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ	x	
II	Số kiểm kê thực tế	x	
1	Trong đó: Loại		
2	Loại		
3	Loại		
4	Loại		
5	Loại		
III	Chênh lệch (III= I-II)	x	
Lý do: Thừa:.....			
Thiếu:.....			
Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:			
Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ	
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên,)	

- Hoàn thiện đội ngũ nhân lực: Một biện pháp quan trọng đó là nâng cao công tác kế toán. Phòng kế toán cần chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ kế toán, tất cả các cán bộ đều phải có trình độ đại học. Đó là điều kiện hết sức thuận lợi. Công ty phải quan tâm hơn nữa đến việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty nói chung và phòng kế toán nói riêng nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán trong giai đoạn mới bằng cách gửi nhân viên đi học các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ mở rộng tầm hiểu biết đáp ứng kịp thời

những thay đổi của chế độ kế toán hiện hành. Nhờ đó, Công ty sẽ tạo ra được một đội ngũ kế toán có năng lực, trình độ, kinh nghiệm, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, yêu nghề.

- *Hoàn thiện về vấn đề ứng dụng tin học trong công tác kế toán:* công ty nên áp dụng kế toán trên máy bằng việc sử dụng phần mềm kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán do đó công ty có thể lựa chọn phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Mặc dù công tác kế toán hiện nay tại công ty đã có sự hỗ trợ của phần mềm tin học Microsoft Excel, song đối với công tác kế toán thì đây chưa phải là phần mềm mang lại hiệu quả tối ưu nhất. Vì vậy công ty nên đặt mua phần mềm kế toán áp dụng riêng cho hình thức kế toán Nhật ký chung tại công ty như: phần mềm kế toán máy Misa; Cyber soft; Accounting;...

❖ **Định hướng trong tương lai**

- Hiện tại phòng kế toán tài chính có 5 người, mỗi người phải đảm nhiệm khối lượng công việc lớn đặc biệt là kế toán doanh thu, do vậy công ty nên bổ sung thêm nhân viên cho phòng kế toán tài chính để giảm thiểu công việc của mỗi người, đồng thời nâng cao hiệu suất công việc và hiệu quả quản lý.

- Công ty nên sử dụng áp dụng phần mềm kế toán máy vào công tác kế toán, lựa chọn phần mềm kế toán sao cho phù hợp với hình thức kế toán của Công ty như : Cyber soft, Accounting. Ngoài ra, có thể mời chuyên gia về đào tạo tay nghề kế toán sử dụng. Sử dụng phần mềm kế toán vào trong công tác tổ chức, sẽ giúp cho công việc kế toán ở các khâu được thực hiện nhanh và chính xác. Kế toán trưởng có thể chủ động nắm bắt kịp thời tình hình thu – chi, tình hình công nợ... để báo cáo Lãnh đạo công ty khi có yêu cầu..

- Công ty nên xây dựng quy chế thanh toán rõ ràng, hợp lý với những khoản tiền có giá trị lớn bắt buộc phải thanh toán qua Ngân hàng. Mở tài khoản ở các Ngân hàng khác nhau nhằm phục vụ tốt cho công tác thanh toán.

- Từng bước chuyển sang tiến hành thanh toán các khoản tiền mà có thể sử dụng tiền gửi Ngân hàng như thanh toán lương, ... Công ty nên làm thẻ ATM để trả lương cho công nhân viên nhằm giảm được áp lực cho thủ quỹ và kế toán tiền

lượng tránh được nhầm lẫn, sai sót đáng tiếc và tiền mặt được đảm bảo an toàn hơn.

➤ Bên cạnh các biện pháp trên để nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền, em xin đưa ra một số ý kiến về quản lý cũng như tổ chức hay phương thức hạch toán tại Công ty hy vọng sẽ nâng cao chất lượng quản lý và công tác kế toán nói chung, kế toán vốn bằng tiền nói riêng.

+ Củng cố bộ máy quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty sao cho gọn nhẹ mà vẫn hoạt động có hiệu quả nhất. Quản lý điều hành cần có độ tập trung cao, các quyết định đưa ra phải có sự thống nhất thực hiện từ trên xuống dưới, các vướng mắc cần phải được xử lý một cách kịp thời.

+ Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường: Công ty cần quan tâm xây dựng bộ phận làm công tác thị trường sao cho mạnh về chuyên môn, hoạt động hiệu quả hơn, cụ thể hơn. Đồng thời phải thiết lập được các mối quan hệ với các cơ quan hữu quan, các tổ chức thương mại trong và ngoài nước nhằm tranh thủ giúp đỡ của họ về thông tin, về biện pháp xúc tiến thương mại. Từ đó tạo điều kiện để Công ty có thể thu hút được những đơn hàng lớn, có giá trị cao, hợp đồng lâu dài, khách hàng có tiềm lực kinh tế, có khả năng thanh toán tốt.

+ Trong điều kiện nào đó, Công ty đã có thể chiếm dụng vốn một cách hợp pháp đối với các nhà cung cấp bằng cách khất nợ để không phải trả tiền ngay. Muốn làm như vậy Công ty phải tạo uy tín cao, có quan hệ thường xuyên đối với các bạn hàng và tạo điều kiện trả nợ đúng hạn cho phép.

Tóm lại trong điều kiện kinh doanh hiện nay công ty nên tìm cho mình một giải pháp riêng vừa phát huy được những thế mạnh nhưng đồng thời cũng phải khắc phục được những mặt hạn chế từng bước hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng nhằm tăng lợi nhuận và khẳng định được vị trí của công ty trên lĩnh vực kinh doanh

Những ý kiến đóng góp nêu trên của em hi vọng sẽ góp phần giúp công ty sử dụng vốn bằng tiền một cách hợp lý, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả quản lý và góp phần tăng lợi nhuận cho công ty.

KẾT LUẬN

Vốn bằng tiền là một trong những tài sản quan trọng và cơ động nhất của công ty. Nó quyết định đến sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp. Mỗi chính sách quản lý vốn bằng tiền hợp lý là cơ sở cho sự bảo tồn vốn, là căn cứ và là tiền đề phát triển của doanh nghiệp, tăng hiệu quả kinh doanh ở doanh nghiệp. Việc thực hiện và quản lý vốn bằng tiền của công ty luôn phải gắn liền với chế độ chính sách của nhà nước. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay do sự chuyển đổi cơ chế, các chế độ chính sách của Nhà nước luôn thay đổi và việc sản xuất kinh doanh cũng thay đổi theo từng thời kỳ, nên cách thức quản lý hạch toán vốn bằng tiền của công ty phải luôn chủ động thay đổi sao cho phù hợp với yêu cầu thực tế hơn.

Dù đã có nhiều cố gắng nhưng do điều kiện thời gian cũng như kinh nghiệm hạn chế nên bài khóa luận tốt nghiệp của em không tránh khỏi những khiếm khuyết cả về nội dung lẫn hình thức. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của Quý thầy cô giáo, các bạn sinh viên và Ban lãnh đạo công ty để em có thể khắc phục được những hạn chế của mình.

Và qua đây, em xin chân thành cảm ơn Cô giáo Lương Khánh Chi đã tận tình, chu đáo hướng dẫn em hoàn thành bài luận văn này, cùng Ban lãnh đạo Công ty, CBCNV phòng Kế toán tài chính của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và vận tải xi măng Hải Phòng đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 01 tháng 7 năm 2012

Sinh viên: Mai Thị Thúy Vân

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán – NXB tài chính.
- 2) Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 2) – Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán – NXB tài chính.
- 3) Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ - PGS.TS Nguyễn Văn Công.
- 4) Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp theo chế độ kế toán mới hiện hành – TS. Võ Văn Nhị .
- 5) Tài liệu, sổ sách kế toán do Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và vận tải xi măng Hải Phòng cung cấp.
- 6) Website: vtxmhp.com; hvtc.edu.vn/bmkt.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	6
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP	8
1.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại vốn bằng tiền.....	8
1.1.1 Khái niệm	8
1.1.2. Đặc điểm.....	8
1.1.3. Phân loại.....	8
1.2. Nhiệm vụ kế toán và nguyên tắc hạch toán	9
1.2.1. Nguyên tắc hạch toán chung	9
1.2.2. Nhiệm vụ kế toán	10
1.3. Kế toán tiền mặt trong doanh nghiệp	10
1.3.1 Nguyên tắc hạch toán tiền tại quỹ	10
1.3.2. Chứng từ kế toán sử dụng	11
1.3.3. Tài khoản kế toán sử dụng	12
1.3.4. Kế toán các khoản thu - chi bằng tiền Việt Nam	13
1.3.5. Kế toán các khoản thu - chi bằng ngoại tệ	9
1.3.6. Kế toán tiền mặt là vàng, bạc, đá quý.	16
1.4. Kế toán tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp.....	18
1.4.1 Nguyên tắc hạch toán trên tài khoản 112 - TGNH:	18
1.4.2. Chứng từ kế toán sử dụng	19
1.4.3. Tài khoản kế toán sử dụng	20
1.4.4. Kế toán các nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi Việt Nam	20
1.4.5. Kế toán các nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi bằng ngoại tệ	22
1.5. Kế toán tiền đang chuyển.....	23
1.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng	23
1.5.2. Tài khoản kế toán sử dụng	23

1.5.3. Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu của tiền đang chuyển.....	24
1.6. Tổ chức sổ kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.....	25
1.6.1. Hình thức “nhật ký - sổ cái”.....	25
1.6.2. Hình thức “chứng từ ghi sổ”.....	26
1.6.3. Hình thức “Nhật ký- chứng từ”.....	27
1.6.4. Hình thức Nhật ký chung.....	28
1.6.5. Hình thức kế toán máy.....	29
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CPTM DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG.....	32
2.1 Khái quát chung về công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng.....	32
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty CPTM DV VT XMHP.....	32
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty CPTM DV VT XMHP.....	36
2.1.3 Tổ chức quản lý của công ty CPTM DV VT XMHP.....	39
2.1.4. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty CPTM DV VT XMHP.....	41
2.2 Thực trạng tổ chức kế toán tiền mặt tại công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng.....	45
2.2.1. Chứng từ sử dụng.....	45
2.2.2. Tài khoản sử dụng.....	45
2.2.3. Quy trình kế toán tiền mặt tại công ty CP TM DV VT XMHP.....	46
2.3 Thực trạng tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng.....	61
2.3.1. Chứng từ sử dụng.....	61
2.3.2. Tài khoản sử dụng.....	61
2.3.3. Quy trình kế toán TGNH tại công ty CPTM DV VT XMHP.....	62
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG.....	77

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền tại Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng.....	77
3.1.1. Ưu điểm.....	77
3.1.2. Nhược điểm.....	79
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng.....	80
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP TM DV VT XMHP	80
3.2.2. Các yêu cầu và nguyên tắc cơ bản nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền	82
3.2.3. Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP TM DV VT XMHP	84
KẾT LUẬN.....	90
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	91